

2020	Mã HS 7204 30 00	98.510	-	
4. Công ty TNHH Mainetti (Việt Nam) - KCN Long Thành, huyện Long Thành:				
2016	Mã HS 3915 90 00	22.821	22.803,7	
2018	Mã HS 3915 90 00	20.313	1.031	
5. Công ty Kobelco Eco-Solutions VN - Chi nhánh Đồng Nai (nhà máy Long Đức) - KCN Long Đức, huyện Long Thành:				
2016	Mã HS 7001 00 00	1.550	1.550	
6. Công ty Dây đồng Việt Nam CFT - Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp. Biên Hòa:				
2016	Mã HS 7404 00 00	256.864	256.864	
7. Công ty TNHH MTV Kankyo Japan Việt Nam - Lô A204-205-206-207 KCN dệt may Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch:				
2016	Mã HS 3915 10 90	409.860,6	389.940,6	
	Mã HS 3915 90 00	434.993,2	409.701,2	
	Mã HS 3915 20 90	103.081	94.780	
2017	Mã HS 3915 10 90	416.577	393.953	
	Mã HS 3915 90 00	532.141	529.996	
	Mã HS 3915 20 90	35.316	35.316	
	Mã HS 3915 30 90	57.247	45.905	
2018	Mã HS 3915 10 90	233.361	232.494	
	Mã HS 3915 90 00	761.713	756.928	
	Mã HS 3915 20 90	847	-	
	Mã HS 3915 30 90	53.154	39.155	
2019	Mã HS 3915 90 00	24.986	24.986	
8. Công ty Cổ phần Q.M.T JP Plastic - KCN Hồ Nai, huyện Trảng Bom:				
2016	Mã HS 3915 90 00	3.377.883	2.377.503	
2017	Mã HS 3915 90 00	3.826.015	3.679.515	
2019	Mã HS 3915 90 00	3.074.773	3.334.977	
	Mã HS 3915 10 90	965.241		
9. Công ty TNHH Sam Hwan Vina - KCN Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch:				
2017	Mã HS 3915 90 00	212.660	212.660	
2019	Mã HS 3915 90 00	147.260	23.187	

10. Công ty TNHH sản xuất Toàn cầu Lixil Việt Nam - KCN Long Đức, huyện Long Thành:				
2017	Mã HS 3915 30 90	200	200	
2018	Mã HS 3915 30 90	402	402	
2019	Mã HS 3915 30 90	9.594.195	8.807.870	
2020	Mã HS 3915 30 90	6.579.586	-	
11. Công ty TNHH Hưng nghiệp Formosa - KCN Nhơn Trạch 3 (giai đoạn 1), huyện Nhơn Trạch:				
2019	Mã HS 3915 30 90	104	16	

Một số doanh nghiệp đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, nhưng không thực hiện nhập khẩu phế liệu trong giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể: Công ty TNHH MTV Khải Phàm, Công ty Vật liệu Xây dựng tấm lợp Đồng Nai, Doanh nghiệp tư nhân Duy Khương, Công ty Đại Phát Thắng Lợi, Công ty CP Đầu tư Khoáng sản than Đông Bắc, Công ty TNHH Tài Tiến, Công ty TNHH Myung Sung Vina, Công ty Cổ phần sản xuất thương mại nhựa Vạn Thịnh, Công ty Cổ phần thép Vicasa, Công ty TNHH xi măng Siam City Nhơn Trạch.

7.5.2 Tình hình thực hiện bảo vệ môi trường trong nhập khẩu và sử dụng phế liệu

Từ năm 2016 - 2020, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện lồng ghép kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, kết quả cho thấy:

- Hầu hết các cơ sở nhập khẩu phế liệu đều có bố trí khu vực lưu giữ phế liệu nhập khẩu, không để thất thoát phế liệu và không gây phát tán các tạp chất đi kèm ra môi trường xung quanh.

- Các cơ sở có thực hiện ký quỹ bảo đảm phế liệu nhập khẩu, chưa phát hiện các sự cố môi trường liên quan đến phế liệu nhập khẩu.

Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất bị xử phạt vi phạm hành chính, cụ thể:

- Công ty Cổ phần Q.M.T - JP Plastic (địa chỉ tại đường số 4, KCN Hố Nai, huyện Trảng Bom): nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất chưa đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường(khí thải, nước thải, chất thải rắn) dẫn đến phản ánh của người dân về tình trạng phát tán mùi hôi trong quá trình sản xuất (chủ yếu vào ban đêm) gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân và các Công ty xung quanh. Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số

196/QĐ-XPVPHC ngày 02/11/2016 xử phạt hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với Công ty Cổ phần Q.M.T - JP Plastic.

- Theo văn bản số 4279/BTNMT-PC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 về thanh tra hoạt động nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất trên địa bàn tỉnh đối với 28 cơ sở. Theo đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 03/28 cơ sở:

+ Công ty TNHH Polycom: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1269/QĐ-XPVPHC ngày 26/4/2019 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH Polycom, địa chỉ KCN Long Thành, huyện Long Thành, với hành vi “chuyển giao phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất tại cơ sở của mình cho tổ chức, cá nhân khác”, với mức tiền phạt 400.000.000 (bốn trăm triệu đồng chẵn).

- Công ty Cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1332/QĐ-XPVPHC ngày 04/5/2019 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty Cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai, địa chỉ trụ sở chính đường số 4, KCN Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, với hành vi “sử dụng phế liệu nhập khẩu không đúng với Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất”, với mức tiền phạt 400.000.000 (bốn trăm triệu đồng chẵn).

- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL: Qua rà soát các tài liệu chứng từ kèm theo cho thấy, việc chuyển giao phế liệu của đơn vị ủy thác - DNTN Thép Trang Trung An xảy ra từ ngày 11/9/2014. Trong khi đó đến tháng 10/2018 mới phát hiện ra sự việc, do vậy đã quá thời hiệu 02 năm xử phạt vi phạm hành chính, không xử phạt đối với trường hợp của Công ty.

CHƯƠNG VIII. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, THIÊN TAI, SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

8.1. Vấn đề khí nhà kính ở tỉnh Đồng Nai

Tỉnh Đồng Nai là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là địa phương có tốc độ phát triển kinh tế cao và nhịp độ tăng trưởng liên tục trong nhiều năm qua. Tỉnh Đồng Nai là một trong những tỉnh nằm trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam, với thế mạnh của tỉnh là nền công nghiệp. Tính đến 6 tháng đầu năm 2020 cả tỉnh có 31/32 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động, 27 cụm công nghiệp được quy hoạch và một số cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ ngoài khu công nghiệp, công nghiệp. Các loại hình sản xuất chính sinh ra KNK là: sản xuất xi măng, sản xuất vôi, sản xuất amoni và sản xuất sắt thép. Trong đó, ngành sản xuất xi măng có lượng phát thải nhiều nhất, chiếm khoảng 88,8% tổng phát thải của sản xuất công nghiệp. Đây là ngành sử dụng rất nhiều năng lượng và tạo ra nhiều khí thải do đòi hỏi nhiệt độ cực cao.

Theo báo cáo của ngành công thương, tỉnh Đồng Nai thuộc nhóm các địa phương sử dụng năng lượng nhiều nhất cả nước, hiện tại trên địa bàn tỉnh đến nay đã có trên 41.000 doanh nghiệp được thành lập và hoạt động. Các nguồn năng lượng sử dụng trên địa bàn bao gồm: điện, than đá, dầu FO, dầu DO, khí gas, LPG và một số dạng năng lượng khác. Do đó, nhu cầu sử dụng nhiên liệu hóa thạch, chất tẩy rửa công nghiệp, thiết bị điều hòa không khí,...là không nhỏ và đây chính là nguồn gốc phát sinh KNK vào bầu khí quyển.

Các KNK chủ yếu bao gồm: hơi nước, CO_2 , CH_4 , N_2O , O_3 , các khí CFC nhưng hiện nay ở tỉnh Đồng Nai tập trung phát triển công nghiệp là chủ yếu nên việc phát thải khí CO_2 từ lĩnh vực sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải và đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng chính là những nguồn phát sinh KNK nhiều nhất, bên cạnh đó N_2O và CH_4 phát sinh trong quá trình xử lý chất thải nhưng chiếm tỷ lệ rất nhỏ.

Hiện nay, việc đánh giá vấn đề KNK trên địa bàn tỉnh còn khá nhiều khó khăn và bất cập. Nguyên nhân chủ yếu là do các quy định pháp lý, phương pháp thu thập số liệu chưa được hoàn chỉnh, đầy đủ và thiếu hụt nhân sự chuyên môn khiến cho đại phương khá lúng túng trong công tác thống kê số liệu, các thông tin, về nguồn phát thải, khối lượng phát thải phục vụ cho việc KNK.

8.2. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ở tỉnh Đồng Nai

Trong thời gian qua, nhằm chủ động ứng phó với BĐKH, UBND tỉnh đã xây dựng và ban hành “Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020” (Ban hành kèm theo Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai) đã đặt các mục tiêu cụ thể:

a) Về ứng phó với biến đổi khí hậu

Không thu hút đầu tư các dự án có tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng; hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, hạn chế sự suy giảm đa dạng sinh học, cải thiện chất lượng môi trường sống, hướng tới nền kinh tế xanh, sạch, thân thiện với môi trường.

Tạo chuyển biến tích cực trong việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên theo hướng hợp lý, hiệu quả và bền vững; quan tâm đầu tư, khuyến khích phát triển, sử dụng năng lượng tái tạo, vật liệu mới, vật liệu tái chế, cơ chế phát triển sạch (CDM).

Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, cơ bản giảm phát thải khí nhà kính.

Nâng cao năng lực quan trắc môi trường, cảnh báo kịp thời diễn biến của biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết bất thường.

Nâng cao nhận thức cơ bản về tác động của biến đổi khí hậu, ý thức chủ động phòng, tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu cho tối thiểu 90% đối với cán bộ, công chức, viên chức và 60% đối với cộng đồng dân cư; giảm dần thiệt hại về người, tài sản do thiên tai gây ra.

Chủ động phòng, chống ngập lụt tại các đô thị lớn, có biện pháp hạn chế xâm nhập mặn ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của người dân; đầu tư, nâng cấp các công trình thủy lợi, chủ động tưới tiêu tối thiểu cho diện tích 56.100 ha đất nông nghiệp.

Giảm mức phát thải khí nhà kính trên đơn vị GDP tối thiểu 8% so với năm 2010.

b) Hướng đến nền kinh tế phát triển xanh

Giá trị sản phẩm ngành công nghệ cao, công nghệ xanh chiếm trên 42% trong GDP cả tỉnh; 80% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; 50% cơ sở sản xuất kinh doanh áp dụng công nghệ sạch; tỷ lệ đầu tư phát triển các ngành hỗ trợ bảo vệ môi trường và làm giàu vốn tự nhiên phần đầu đạt 3 - 4% GDP.

Từng bước thay thế năng lượng hóa thạch bằng năng lượng tái tạo, năng lượng mới.

Khuyến khích phát triển, sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung thay thế gạch đất sét nung; chấm dứt sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công, lò thủ công cải tiến, lò đứng liên tục và lò vòng sử dụng nhiên liệu hóa thạch vào năm 2020.

8.2.1. Diễn biến vấn đề biến đổi khí hậu tỉnh Đồng Nai

Viện Khoa học Khí tượng, Thủy văn và Môi trường (IMHEN) đã nghiên cứu và dự đoán về xu hướng BĐKH trong tương lai tại Việt Nam từ các mô hình khí hậu toàn cầu. Mặc dù không thể chắc chắn chính xác về mức độ sự thay đổi, các nhà mô hình khí hậu đã sử dụng một loạt các "kịch bản khí hậu" giả định để mô tả những gì có thể xảy ra trong những thập niên tới.

IMHEN đã chọn ra ba (B1, B2 và A2) trong sáu kịch bản để xây dựng kịch bản BĐKH ở Việt Nam. Ba kịch bản này bao gồm kịch bản phát thải thấp (B1), kịch bản phát thải trung bình của nhóm kịch bản trung bình (B2), và kịch bản phát thải trung bình của nhóm kịch bản cao (A2). Trong số những kịch bản được lựa chọn để sử dụng tại Việt Nam, kịch bản phát thải môi trường B2 được chính thức đề xuất là cơ sở chính để lên kế hoạch và quy hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu. Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của nước biển dâng. Theo tính toán, tại vùng ven biển nước ta bình quân mực nước biển dâng thêm khoảng 2,9 mm/năm.

Theo kịch bản dự báo về biến đổi khí hậu (BĐKH), vào năm 2050, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, nước biển sẽ dâng cao lên 0,5 m. Do mực nước biển dâng cao nên huyện Nhơn Trạch sẽ bị ngập khoảng 2.000 ha ở khu vực gần đê Ông Kèo. Còn TP. Biên Hòa sẽ bị ngập ở vùng trũng gần sông theo thủy triều lên xuống.

Dựa trên “Kế hoạch 116/KH-BCĐGSTHBVMT ngày 27/4/2020 của Ban Chỉ đạo Giám sát thực hiện bảo vệ môi trường về Tổ chức giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu năm 2020”. Những tác động của BĐKH đến tỉnh Đồng Nai từ năm 2014 đến nay, cho thấy dưới tác động của BĐKH làm ảnh hưởng lớn đến quá trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đồng Nai. Trong đó, đặc biệt là tác động tiêu cực đến các lĩnh vực sau:

- Dưới tác động của BĐKH làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến lĩnh vực nông nghiệp. Thời tiết và khí hậu thay đổi ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, lượng mưa và thời điểm mưa trái mùa và thay đổi so với tự nhiên làm cho năng suất cây trồng bị suy giảm, thậm chí làm cho nhiều loại cây trồng không thu hoạch theo mùa vụ gây thiệt hại rất lớn cho ngành nông nghiệp. Do tác động của BĐKH gây ra hạn hán kéo dài dẫn đến năng suất cây trồng bị suy giảm. Ngoài ra, hạn hán kéo dài cộng với thời tiết thay đổi cực đoan gây ra hiện tượng hanh khô làm gia tăng nguy cơ dẫn đến cháy rừng.

- Làm ảnh hưởng đến lĩnh vực tài nguyên nước: do ảnh hưởng bởi mưa lũ và hạn hán làm cho dòng chảy sông ngòi thay đổi về lượng và sự phân bố theo thời gian, không gian không đều. Tác động của biến đổi khí hậu lên dòng chảy năm, dòng chảy mùa lũ, dòng chảy mùa cạn... Dẫn đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước bị ảnh hưởng tiêu cực. Nhiệt độ tăng, hạn hán kéo dài vào mùa khô, xâm nhập mặn lan rộng sẽ khiến cho nhu cầu khai thác và sử dụng nước dưới đất tăng lên.

- Dưới tác động của BĐKH làm cho nước biển dâng dẫn đến một số địa phương trong tỉnh gia tăng nguy cơ gây ngập úng tại các khu vực bị ngập chính của tỉnh Đồng Nai chủ yếu là huyện Nhơn Trạch và một phần của huyện Long Thành.

- Gây ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng: nhiệt độ tăng cao và mưa lũ tạo điều kiện phát triển một số vật chủ trung gian truyền bệnh như muỗi, ruồi... làm

bùng phát các dịch bệnh truyền nhiễm như sốt xuất huyết, sốt rét... Ngoài ra, do thời tiết thay đổi cực đoạn làm gia tăng các bệnh về đường hô hấp...

- Gây ảnh hưởng đến quá trình phát triển công nghiệp, mưa lũ và hạn hán thường xuyên làm chậm quá trình phát triển, do ảnh hưởng bởi BĐKH làm ảnh hưởng đến nguồn cung ứng để phục vụ sản xuất công nghiệp, mưa lũ gây ngập cơ sở hạ tầng và nơi hoạt động sản xuất, nắng nóng sinh nhiệt ảnh hưởng đến quá trình sản xuất.

- Mưa lớn gây ngập diện rộng tại thành phố Biên Hòa và các đô thị lớn của tỉnh gây hưởng nghiêm trọng đến lĩnh vực giao thông và làm chậm quá trình phát triển KTXH.

- Ngoài ra, do tác động của BĐKH ảnh hưởng đến lĩnh vực lâm nghiệp và đa dạng sinh học; cụ thể: làm cho rừng đầu nguồn thuộc Tân Phú, Vĩnh Cửu, xu hướng lượng mưa tăng giảm bất thường trong những năm gần đây gây nguy cơ làm thay đổi cấu trúc và hệ sinh thái rừng. Mực nước biển dâng gây ra tác động lớn nhất cho rừng ngập mặn ở Nhơn Trạch.

8.2.2. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ở tỉnh Đồng Nai

Lĩnh vực và đối tượng dễ bị tổn thương nhất do biến đổi khí hậu là nông nghiệp, an ninh lương thực, tài nguyên nước, sức khỏe, nơi cư trú tại các vùng ven biển, vùng trũng và miền núi. Biến đổi khí hậu làm gia tăng nhiệt độ còn gây sức ép lên các lĩnh vực khác như năng lượng, giao thông vận tải, công nghiệp, xây dựng, du lịch, thương mại,...

Biến đổi khí hậu và nước biển dâng làm tăng nguy cơ ngập lụt, gây khó khăn cho thoát nước, tăng nguy cơ xói mòn, nhiễm mặn nguồn nước.

a. Tác động đến kinh tế - xã hội

Biến đổi khí hậu làm cho nguồn nước ngọt ngày càng khan hiếm, đất đai đang dần biến mất nhưng dân số ngày càng tăng. Đồng thời, làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên gây ra xung đột và chiến tranh giữa các vùng và lãnh thổ.

Biến đổi khí hậu làm cho khí hậu ngày càng khắc nghiệt. Các cơn bão lũ làm mất mùa màng, giá nhiên liệu, giá thực phẩm tăng cao sau các cơn bão lũ làm tổn thất về kinh tế đồng thời làm ảnh hưởng đến đời sống của người dân.

Ngoài ra, thiên tai xảy ra làm nên kinh tế đối mặt với việc giảm lợi nhuận từ các ngành du lịch, công nghiệp. Ngoài ra, những đợt hạn hán kéo dài có thể ảnh hưởng đến xã hội với quy mô rộng hơn nhiều so với lũ lụt. Hạn hán kèm theo là hoang mạc hóa, làm tăng nguy cơ cháy rừng, gây ra những thiệt hại to lớn về kinh tế - xã hội và môi trường.

Tại Đồng Nai, các huyện (Nhơn Trạch và Long Thành), BĐKH còn làm mặn xâm nhập sâu vào đất liền và gây ảnh hưởng đến các vùng nuôi trồng thủy sản, làm giảm năng suất nuôi thủy sản. Mặn xâm nhập sâu vào đất liền khiến nhiều diện tích cây trồng bị thiếu nước tưới. Tình trạng thiếu nước sinh hoạt

trong mùa khô ngày càng gia tăng.

b. Tác động đến môi trường sinh thái

Theo kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng, những tác động chính tới lâm nghiệp và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Đồng Nai dự đoán đến năm 2050 bao gồm:

- Hệ sinh thái ngập mặn Long Thành- Nhơn Trạch nằm trên địa bàn 4 xã: Long Phước, Phước Thái (huyện Long Thành) và Phước An, Long Thọ (huyện Nhơn Trạch) với tổng diện tích tự nhiên gần 18.000ha.

- Dưới tác động của biến đổi khí hậu, diện tích rừng ngập mặn tại khu vực Long Thành – Nhơn Trạch có thể dịch chuyển sự phân bố về hướng tây bắc huyện Nhơn Trạch, các đại diện thực vật ngập mặn phân bố vào sâu trong đất liền. Thậm chí rừng sẽ không thể quang hợp được nếu nhiệt độ tăng quá cao.

- Hơn nữa nồng độ CO₂ tăng cao cũng khiến các rặng san hô ven bờ bị suy thoái, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái rừng ngập mặn do thiếu mất rào chắn tự nhiên từ các rặng san hô này. Các nhà khoa học còn cho rằng, quá trình phát triển công nghiệp và đô thị sẽ phát sinh những hậu quả về môi trường như chất thải rắn, ô nhiễm nguồn nước, nên cần có sự đồng bộ và nhất quán trong quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội tại các địa phương theo hướng gắn với bảo vệ môi trường...

- Nguy cơ cháy rừng do nhiệt độ tăng cao trở thành nguyên nhân chính khó kiểm soát để đảm bảo an toàn cho diện tích rừng phòng hộ tại khu vực xã Phước An huyện Nhơn Trạch.

- Rừng tre nứa La Ngà là khu vực nhạy cảm với nhiệt độ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Khi nhiệt độ gia tăng theo kịch bản, đến năm 2050, nguy cơ mất diện tích rừng tre nứa trở nên rất lớn kéo theo nguy cơ đe dọa sự an toàn cho ổ sinh thái của loài voi châu Á trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai cũng là nơi chịu ảnh hưởng nhiều nhất của sự gia tăng nhiệt độ trung bình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Những ảnh hưởng của sự gia tăng nhiệt độ đến năm 2050 lên khu vực này có thể dẫn tới sự thay đổi cấu trúc loài thực vật ưu thế và đặc trưng và diễn thế sinh thái có thể diễn ra theo chiều hướng bất lợi cho đa dạng sinh học khu vực này (suy giảm số loài ưa bóng, ưa ẩm...tại các quần xã đang hiện diện).

Mức độ rủi ro xảy ra cho lâm nghiệp và ba hệ sinh thái được đánh giá bị tác động bởi biến đổi khí hậu ở Đồng Nai như sau:

- Rừng ngập mặn Long Thành - Nhơn Trạch: Đối với sự gia tăng nhiệt độ trung bình, mức độ rủi ro cao xảy ra đối với kịch bản biến đổi khí hậu trung bình giai đoạn 2050 và xảy ra rất cao đối với kịch bản biến đổi khí hậu cao giai đoạn 2050.

- Rừng tre nứa La Ngà: Đối với sự gia tăng nhiệt độ trung bình, mức độ rủi ro rất cao xảy ra đối với kịch bản biến đổi khí hậu cao giai đoạn 2050.

- Khu BTTNVH Đồng Nai: Đối với sự gia tăng nhiệt độ trung bình, mức độ rủi ro cao xảy ra đối với kịch bản biến đổi khí hậu cao giai đoạn 2050.

- Ngoài ra mức độ rủi ro của ba hệ sinh thái này dưới tác động của mực nước dâng cao và hiện tượng gia tăng sự xâm nhập mặn vào vùng đất nội địa hầu như thấp khi đánh giá trên cả ba kịch bản thấp, trung bình và cao.

c. Tác động đến con người

Biến đổi khí hậu có thể ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực, ngành, các địa phương. Làm tăng khả năng bị tổn thương do biến đổi khí hậu gây ra. Biến đổi khí hậu tác động mạnh mẽ nhất lên vùng ven biển, khu vực trũng nên con người tại các khu vực này có nguy cơ bị tổn thương nhiều nhất do biến đổi khí hậu.

Trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng, dân cư chịu các tác động, rủi ro do thời tiết bất thường tập trung ven sông Đồng Nai trên địa bàn các huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch, huyện Vĩnh Cửu (khu vực gần hồ Trị An) và Tp. Biên Hòa với các đối tượng dễ bị tổn thương như trẻ em, người già, người tàn tật và phụ nữ tập trung ở những khu vực xảy ra hạn hán, ngập lụt và nắng nóng kéo dài. Đồng thời, người dân sống ở khu vực nông thôn thường dễ bị tổn thương hơn so với khu vực thành thị do dịch vụ chăm sóc sức khỏe, khoảng cách đến các cơ sở y tế còn khó khăn hơn nhất là các hộ ở khu vực vùng sâu, vùng xa, đồng bào thiểu số.

Tác động gián tiếp của BĐKH tới sức khỏe có thể thông qua môi trường sống, môi trường lao động sản xuất, môi trường của các đô thị, KCN,... sẽ chịu tác động không nhỏ của BĐKH toàn cầu. Sức khỏe cộng đồng cũng quan hệ mật thiết với nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm, với sản xuất công nghiệp mà nổi bật là năng lượng,...

BĐKH dẫn đến tăng chỉ số sinh học (tổ hợp của nhiệt, ẩm, mưa, ...) có lợi cho vi khuẩn và côn trùng phát triển ở nhiều khu vực. Điều này dẫn tới tăng tốc độ sinh trưởng, phát triển của các loài vi khuẩn gây bệnh, côn trùng và các vật chủ truyền bệnh làm cho các bệnh nhiễm khuẩn dễ dàng lây lan, tăng số lượng nhiễm bệnh cũng như tử vong, mở rộng vùng và mùa bệnh.

d. Tác động đến nông nghiệp

Dưới tác động của BĐKH làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến lĩnh vực nông nghiệp. Thời tiết và khí hậu thay đổi ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, lượng mưa và thời điểm mưa trái mùa và thay đổi so với tự nhiên làm cho năng suất cây trồng bị suy giảm, thậm chí làm cho nhiều loại cây trồng không thu hoạch theo mùa vụ gây thiệt hại rất lớn cho ngành nông nghiệp. Do tác động của BĐKH gây ra hạn hán kéo dài dẫn đến năng suất cây trồng bị suy giảm. Ngoài ra, hạn hán kéo dài cộng với thời tiết thay đổi cực đoan gây ra hiện tượng hanh khô làm gia tăng nguy cơ dẫn đến cháy rừng.

e. Tác động đến lâm nghiệp

Do BĐKH, HST rừng có thể bị ảnh hưởng theo các chiều hướng sau:

- Nước biển dâng làm giảm diện tích rừng ngập mặn, mặt khác có tác động xấu đến rừng tràm và rừng trồng trên đất bị nhiễm phèn ở các tỉnh Nam Bộ; Ranh giới rừng nguyên sinh cũng như rừng thứ sinh có thể dịch chuyển. Rừng cây họ dầu mở rộng lên phía Bắc và các đai cao hơn, rừng rụng lá với nhiều cây chịu hạn phát triển mạnh;

- Nhiệt độ cao kết hợp với ánh sáng dồi dào thúc đẩy quá trình quang hợp dẫn đến tăng cường quá trình đồng hóa của cây xanh. Tuy vậy, chỉ số tăng trưởng sinh khối của cây rừng có thể giảm đi do độ ẩm giảm đi; Nhiệt độ và mức độ khô hạn gia tăng làm tăng nguy cơ cháy rừng, phát triển sâu bệnh, dịch bệnh...

- Nguy cơ diệt chủng của động thực vật gia tăng, một số loài thực vật quan trọng như tràm hương, hoàng đàn, pơ mu,... có thể suy kiệt;

- Hiện tạo BĐKH ảnh hưởng đến lĩnh vực lâm nghiệp và đa dạng sinh học; cụ thể: làm cho rừng đầu nguồn thuộc Tân Phú, Vĩnh Cửu, xu hướng lượng mưa tăng giảm bất thường trong những năm gần đây gây nguy cơ làm thay đổi cấu trúc và hệ sinh thái rừng.

f. Tác động đến thủy sản

Hiện tượng nước biển dâng dẫn đến tình trạng ngập mặn gia tăng dẫn đến các hậu quả sau:

- Nước mặn xâm lấn vào nội địa, làm mất nơi sinh sống thích hợp của một số loài thủy sản nước ngọt;

- Rừng ngập mặn bị thu hẹp, ảnh hưởng đến HST của một số loài thủy sản;

Nhiệt độ tăng dẫn đến một số hậu quả sau:

- Gây ra hiện tượng phân tầng nhiệt độ rõ rệt trong thủy vực nước đứng, ảnh hưởng đến quá trình sinh sống của sinh vật;

- Một số loài di chuyển lên phía Bắc hoặc xuống sâu hơn làm thay đổi cơ cấu phân bố thủy sinh vật theo chiều sâu;

- Quá trình quang hóa và phân hủy các chất hữu cơ nhanh hơn, ảnh hưởng đến nguồn thức ăn của sinh vật. Các sinh vật tiêu tốn nhiều năng lượng hơn cho quá trình hô hấp cũng như các hoạt động sống khác làm giảm năng suất và chất lượng thủy sản;

- Suy thoái và phá hủy các rạn san hô, thay đổi các quá trình sinh lý, sinh hóa diễn ra trong mối quan hệ cộng sinh giữa san hô và tảo;

- Cường độ mưa lớn làm cho nồng độ muối giảm đi trong một thời gian ngắn dẫn đến sinh vật nước lợ và ven bờ, đặc biệt là nhuyễn thể hai vỏ bị chết hàng loạt do không chống chịu được với nồng độ muối thay đổi.

Ảnh hưởng đối với nghề cá, BĐKH sẽ gây ra các tác động sau:

- Mực nước dâng làm cho chế độ thủy lý, thủy hóa và thủy sinh xấu đi. Kết quả là các quần xã hiện hữu thay đổi cấu trúc và thành phần, trữ lượng giảm sút;

- Nhiệt độ tăng làm cho nguồn thủy hải sản bị phân tán. Các loại cá kém giá trị kinh tế tăng lên và các loài cá có giá trị kinh tế giảm sút hoặc mất hẳn.

- Các loài thực vật nổi, mất xích đầu tiên của chuỗi thức ăn cho động vật nổi bị hủy diệt, làm giảm mạnh động vật nổi, do đó làm giảm nguồn thức ăn chủ yếu của các động vật tầng giữa và tầng trên.

g. Tác động đến năng lượng - giao thông vận tải

Nhiệt độ tăng gây ra một số tác động sau:

- Tăng chi phí thông gió, làm mát hầm lò khai thác và làm giảm hiệu suất, sản lượng của nhà máy điện;

- Tiêu thụ điện cho sinh hoạt gia tăng và chi phí làm mát trong các ngành công nghiệp, giao thông, thương mại cũng gia tăng đáng kể;

- Nhiệt độ tăng kèm theo lượng bốc hơi tăng kết hợp với sự thất thường trong chế độ mưa dẫn đến thay đổi lượng nước dự trữ và lưu lượng vào các hồ thủy điện;

- Biến đổi khí hậu theo hướng gia tăng cường độ mưa và lượng bão cũng ảnh hưởng trực tiếp đến ngành năng lượng, trước hết đến hệ thống giàn khoan trên biển, hệ thống dẫn dầu và khí vào đất liền, hệ thống truyền tải điện năng.

8.3. Tai biến thiên nhiên ở tỉnh Đồng Nai

8.3.1. Khái niệm về tai biến thiên nhiên:

Tai biến thiên nhiên là thiệt hại cho con người, tự nhiên, kinh tế - xã hội do bão, lũ lụt, sạt lở đất, hạn hán, động đất, sóng thần...gây ra. Các tai biến thiên nhiên khi xảy ra có thể gây tác động xấu đến môi trường tự nhiên và phát triển kinh tế xã hội, bao gồm:

*** Tác động đến môi trường tự nhiên**

Gây biến đổi dòng chảy, làm ảnh hưởng đến chất lượng nước,... như lũ lụt.

Gây ô nhiễm không khí về bụi như gió lốc, thạch nham núi lửa.

Gây các hiện tượng axit hóa như mưa axit.

Gây biến đổi chất lượng đất như núi lửa, lũ bùn.

Ảnh hưởng đến điều kiện khí hậu như gia tăng nhiệt độ đột ngột, gió mạnh.

Suy giảm đa dạng sinh học như mưa bão, lũ,...

*** Tác động đến phát triển kinh tế xã hội**

Phá hoại cơ sở hạ tầng.

Tốn chi phí cho công tác ứng phó và khắc phục tai biến thiên nhiên.

Ảnh hưởng đến quá trình sản xuất.

Ảnh hưởng đến nhân vật lực trong quá trình ứng phó và khắc phục tai biến thiên nhiên.

8.3.2. Khái quát hiện trạng tai biến thiên nhiên tỉnh Đồng Nai

Trong 5 năm qua (từ năm 2016 đến 2020) đã xảy ra 44 cơn bão và 17 áp thấp nhiệt đới, Trong đó:

Bảng 8.1. Tình hình diễn biến bão và áp thấp nhiệt đới năm 2016 - 2020

Loại hình thiên tai	2016	2017	2018	2019	Đến T7/2020
Cơn bão	10	16	09	08	01
Áp thấp nhiệt đới	06	04	03	04	0

- Năm 2016, xảy ra 10 cơn bão và 06 áp thấp nhiệt đới hoạt động trên biển Đông, trong đó 02 cơn bão và 02 áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta và có ảnh hưởng đến thời tiết khu vực tỉnh Đồng Nai.

- Năm 2017, xảy ra 16 cơn bão và 04 áp thấp nhiệt đới hoạt động trên biển Đông, trong đó có 02 cơn bão ảnh hưởng đến thời tiết khu vực tỉnh Đồng Nai là bão số 12 và bão số 14.

- Năm 2018, xảy ra 09 cơn bão và 03 áp thấp nhiệt đới hoạt động trên biển Đông, trong đó có 02 cơn bão ảnh hưởng đến thời tiết khu vực tỉnh Đồng Nai là bão số 08 và bão số 09.

- Năm 2019, xảy ra 08 cơn bão và 04 áp thấp nhiệt đới hoạt động trên biển Đông, trong đó có 05 cơn bão và 01 áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng đến thời tiết khu vực tỉnh Đồng Nai như: Cơn bão số 02, bão số 03, bão số 04, bão số 05 và bão số 06.

- Từ tháng 01/2020 đến nay, xảy ra 01 cơn bão hoạt động trên biển Đông.

8.3.3. Thiệt hại do tai biến thiên tai

Năm 2015, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 09 đợt mưa lớn kèm theo lốc xoáy gây thiệt hại không nhỏ về tài sản của nhân dân; đặc biệt mưa lớn từ ngày 8 - 16/9/2015 đã gây ngập lụt trên diện rộng tại địa bàn thành phố Biên Hòa, gây thiệt hại lớn về tài sản, vật nuôi, đường giao thông tại các huyện: Trảng Bom, Vĩnh Cửu. Thiên tai năm 2015 đã làm 157 căn nhà bị tốc mái, 35 căn nhà bị đổ sập, ngập 194 căn nhà, 52 chuồng, trại bị tốc mái, hơn 1.705 ha cây trồng bị thiệt hại, 03 cầu bị ngập, sập; 5,96 km đường bị sạt lở, ngập, 33 người phải di dời ra khỏi vùng ngập sâu, thiệt hại trên 91 tỷ đồng. (Nguồn: Thông tin từ chỉ thị Số 07/CT-UBND ngày 02/03/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2016 và giai đoạn 2017 – 2020)

- Hạn hán: Do ảnh hưởng của hiện tượng Elnino năm 2016, khu vực tỉnh Đồng Nai có nắng hạn kéo dài, hầu như không mưa, gây ảnh hưởng đến sinh hoạt, sản xuất của người dân; làm 4.358,4 ha thiếu nước phục vụ sản xuất, 884

hộ dân thiếu nước sinh hoạt, một số công trình thủy lợi cạn kiệt nước. Các năm còn lại do ảnh hưởng của mưa trái mùa và các đơn vị quản lý công trình thủy lợi chủ động biện pháp bơm chống hạn cung cấp nước đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân.

- Xâm nhập mặn:

+ Mùa khô 2015-2016 trên khu vực tỉnh Đồng Nai hầu hết không mưa, tình hình xâm nhập mặn xảy ra nghiêm trọng, đặc biệt trong tháng 3/2016 độ mặn tại một số khu vực cao hơn làm ảnh hưởng đến nguồn nước phục vụ sản xuất và vận chuyển mía tại hệ thống thủy lợi ông Kèo huyện Nhơn Trạch.

+ Năm 2019, huyện Nhơn Trạch xảy ra xâm nhập mặn vào nội đồng, ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển, giảm năng suất khoảng 210 ha cây lúa vụ Đông Xuân năm 2019 -2020, tập trung tại một số khu vực các xã: Long Tân, Phước Thiện, Đại Phước.

- Mưa trái mùa: Trong mùa khô năm 2016-2017, trên địa bàn tỉnh xảy ra mưa trái mùa với diễn biến phức tạp gây thiệt hại: 41.395ha, trong đó: 31.177ha điều, 10.217ha xoài. Ước tính thiệt hại khoảng 1.400 tỷ đồng.

- Sạt lở đất: Năm 2017, huyện Tân Phú khi có mưa lớn kéo dài, làm cho đất đá từ trên đồi trượt xuống gây sập tường nhà của 05 hộ, ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của người dân sống trong khu vực; huyện Trảng Bom có mưa vừa đến mưa to, nước tập trung từ khu vực thượng lưu cống và trên Quốc lộ 1A đổ về, tạo dòng chảy xiết gây sạt lở đất 01 hộ dân và sập nhà tắm, nhà bếp của 01 hộ dân sống trong khu vực.

- Lốc xoáy: Từ năm 2016 đến nay, đã xảy ra lốc xoáy gây thiệt hại về nhà ở, cây trồng, chuồng trại và vật nuôi của người dân, làm sập 08 căn nhà, làm tốc mái 251 căn nhà, gãy đổ 37ha cây ăn quả và cao su, 04 trại nấm, hư hỏng; sập 275 m², 259m tường rào và nhà kho; tốc mái 85 căn nhà và 04 chuồng trại chăn nuôi; làm gãy đổ 01 trụ điện trung, 05 trụ điện hạ thế, đứt 300m dây điện trung thế.

- Ngập lụt:

+ Huyện Tân Phú, nước sông La Ngà dâng cao làm ngập gần 300 ha lúa đang chín, ảnh hưởng đến công tác thu hoạch của người dân (khu vực ngập đã được địa phương khuyến cáo không sản xuất); mưa lớn, nước mưa cuốn theo nhiều vật chất hữu cơ xuống sông La Ngà, làm môi trường nước thay đột ngột, gây ra cá chết hàng loạt. Thể tích lòng, bè thiệt hại là 126.533,6 m³, số hộ bị thiệt hại là 129 hộ, tổng thiệt hại ước tính 92,96 tỷ đồng.

+ Năm 2019, ở trạm Tà Lài tại sông Đồng Nai và sông La Ngà xuất hiện đỉnh lũ đạt 114,10m vào tháng 08/2019 (chỉ thấp hơn trận lũ lịch sử tại Tà Lài năm 1987 đạt 114,34m) và đỉnh lũ tại trạm Phú Hiệp trên sông La Ngà đạt 105,92m thấp hơn trận lũ lịch sử 1,89m (xuất hiện năm 1999 tại sông La Ngà). Đợt lũ tháng 08/2019 gây ra ngập lụt nhiều nơi nhưng không có thiệt hại đáng kể được ghi nhận tại địa phương.

+ Khu vực thượng nguồn sông Đồng Nai xảy ra mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to trên diện rộng; đồng thời 03 hồ Thủy điện điều tiết xả tràn về hạ lưu dẫn đến mực nước sông Đồng Nai, sông La Ngà dâng cao, đã gây ngập các khu vực ven sông Đồng Nai, làm thiệt hại về người và tài sản của người dân; nhiều tuyến đường giao thông bị chia cắt do ngập lụt, sản xuất bị đình trệ, đời sống người dân trong vùng thiên tai gặp khó khăn làm 02 người chết (01 người bị lũ cuốn trôi và 01 người bị điện giết), 01 người bị thương; di dời 1.015 hộ khỏi vùng ngập lụt đến nơi an toàn, bị ngập nhà 1.015 hộ; ngập lụt hơn 1.300 ha đất sản xuất nông nghiệp; cuốn trôi 120 bè và 1.998 dèo nuôi cá (ước tính khoảng 8.393,5 tấn cá). Ước tổng thiệt hại khoảng 585 tỷ đồng. (Nguồn: Văn bản số 2380/SNN-KHTC ngày 09/06/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc cung cấp thông tin để xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020)

Theo Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đồng Nai từ năm 2016 đến hết 6 tháng năm 2019 xảy ra 09 vụ cháy gây thiệt hại 6,79 ha rừng, gồm: 2,7 ha rừng trồng keo lai (rừng phòng hộ tại huyện Xuân Lộc); 1,09 ha rừng trồng keo lai (rừng sản xuất tại huyện Định Quán) và 3,0 ha rừng trồng keo lá tràm (nằm ngoài quy hoạch 03 loại rừng, tại huyện Nhơn Trạch) còn lại là diện tích trảng cỏ, mum, le. Các vụ cháy trên đều được lực lượng Kiểm lâm và lực lượng chữa cháy ở các xã phát hiện và dập tắt kịp thời nên không gây thiệt hại lớn đến rừng. (Nguồn: Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2020 tỉnh sở nông nghiệp và ptnt đồng nai).

8.3.4. Kế hoạch phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Để chủ động và ứng phó kịp thời có hiệu quả với các tình huống thiên tai. Thực hiện theo Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 02/03/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2016 và giai đoạn 2017-2020 đề ra một số nội dung chính như sau:

- Tuyên truyền sâu rộng, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống thiên tai và triển khai thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống thiên tai; thường xuyên rà soát, cập nhật tình hình thiên tai, chủ động triển khai các giải pháp thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai đã được phê duyệt hoặc điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Tổng kết, rút kinh nghiệm công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2015; kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2016 đến các cấp, các ngành, phân công trách nhiệm cho từng thành viên phụ trách địa bàn và lĩnh vực cụ thể. Hàng năm chủ động thực hiện và báo cáo trước tháng 3.

- Xây dựng kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định của Luật Phòng chống thiên tai và các văn bản hướng dẫn.

- Phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức cộng đồng về các loại hình thiên tai và kỹ năng, kinh nghiệm, biện pháp phòng, tránh thiên tai, trách nhiệm và nghĩa vụ trong phòng, chống thiên tai đến mọi tầng lớp nhân dân. Rà soát, cập nhật, xác

định những vùng nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất để xây dựng phương án cụ thể trong ứng phó, di dời nhân dân trong trường hợp khẩn cấp.

- Rà soát công tác ứng phó với thiên tai, kiểm tra lực lượng, phương tiện, vật tư, kinh phí để thực hiện có hiệu quả phương châm "4 tại chỗ", đảm bảo an toàn về người và tài sản trong phòng, tránh thiệt hại do gió lốc, sét đánh, lũ lụt, sạt lở.

- Chủ động xây dựng và triển khai phương án phòng chống hạn, kiểm tra các hồ đập thủy lợi, thủy điện điều tiết nước hợp lý phòng chống hạn, đảm bảo mục tiêu phát điện kết hợp cấp nước phục vụ sản xuất và an toàn trong mùa mưa lũ.

- Đề ra các nhiệm vụ cụ thể của các Sở, ban, ngành, địa phương thực hiện trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

8.4. Sự cố môi trường

Sự cố môi trường là các tai biến hoặc rủi ro xảy ra trong quá trình hoạt động của con người hoặc biến đổi bất thường của thiên nhiên, gây suy thoái môi trường nghiêm trọng (theo Luật bảo vệ môi trường 2014).

Việc đánh giá sự cố môi trường xảy ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong những năm gần đây cho thấy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai không xảy ra sự cố môi trường.

8.4.1. Giải pháp thực hiện phòng ngừa, ứng phó, giảm thiểu thiệt hại đối với sự cố môi trường do thiên tai gây ra

Tăng cường nâng cao nhận thức cộng đồng đối và quản lý rủi ro do thiên tai dựa vào cộng đồng. Để triển khai thực hiện tăng cường nhận thức của cộng đồng và quản lý rủi ro. Đồng thời UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định số: 4673/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 - Quyết định ban hành phương án phòng, tránh, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh với mục đích hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, đặc biệt là người, tài sản và các công trình trọng yếu. Kịp thời di dời, sơ tán dân ở khu vực xung yếu có nguy cơ cao đến nơi tạm cư kiên cố, chắc chắn, nhất là đối với người già, người khuyết tật, trẻ em và phụ nữ mang thai.

8.4.2. Giải pháp thực hiện phòng ngừa, ứng phó, giảm thiểu thiệt hại đối với sự cố môi trường do con người gây ra

Để tăng cường các biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành các quy định liên quan hoạt động phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường tiêu biểu như sau:

- Đối với lĩnh vực hóa chất: Luật hóa chất năm 2007, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, Nghị Định 71/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp, Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày

08/4/2020 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa, Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công thương về Quy định Danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa,...đặc biệt là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về phòng ngừa, phát hiện và chuẩn bị ứng phó nguy cơ, sự cố hóa học, sinh học, bức xạ và hạt nhân giai đoạn 2019-2025.

- Đối với lĩnh vực môi trường: Để đảm bảo giảm thiểu rủi ro, tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp nói riêng và bảo vệ môi trường đối với hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh, xử lý chất thải...nói chung thì Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành các quy định như sau: Luật bảo vệ môi trường 2014; Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quản chất thải và phế liệu; Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường; Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;.... Ngoài ra Cơ quan chức năng đã ban hành các quy định liên quan đến phòng chống cháy nổ và các quy định khác có liên quan.

Việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường được cụ thể trong một số lĩnh vực, khu vực hoạt động như sau:

1. Biện pháp ứng phó sự cố môi trường do hoạt động sản xuất, tồn trữ, kinh doanh hóa chất

Để đảm bảo phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất do hoạt động sản xuất, tồn trữ, kinh doanh hóa chất gây ảnh hưởng đến môi trường, các doanh nghiệp phải thực hiện có các biện pháp phòng ngừa, ứng phó như sau:

+ Xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất trình cấp thẩm quyền xem xét phê duyệt theo quy định.

+ Xây dựng năng lực ứng phó sự cố hóa chất: xây dựng hệ thống điều hành và trực tiếp cứu hộ, xử lý sự cố hóa chất; đầu tư trang thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố hóa chất; xây dựng hệ thống báo nguy, hệ thống thông tin nội bộ và thông báo ra bên ngoài trong trường hợp sự cố khẩn cấp; quy trình phối hợp hành động giữa lực lượng bên trong và phối hợp với lực lượng bên ngoài; kế

hoạch sơ tán người, tài sản; xây dựng chương trình huấn luyện, diễn tập...

- + Xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đối với các hóa chất nguy hiểm, tự ra quyết định ban hành Biện pháp và xuất trình các cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

- + Xây dựng quy chế phối hợp giữa các sở ban ngành liên quan trong việc phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất.

- + Xây dựng các văn bản pháp luật trong đó có các quy định hướng dẫn thực hiện phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất được chi tiết, cụ thể để việc phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất được hiệu quả.

- + Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến an toàn hóa chất.

2. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường tại các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh.

Đề nâng cao trong việc phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cần thực hiện một số biện pháp chủ yếu sau:

- Thực hiện đầy đủ các thủ tục môi trường, hóa chất, phòng chống cháy nổ trước và trong quá trình hoạt động và tuân theo các quy định nêu trên trong quá trình động.

- Các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp phải thực hiện vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung thường xuyên, ổn định và nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định. Tăng cường giám sát nước thải các doanh nghiệp đầu nối vào hệ thống đường ống dẫn nước thải nhằm đảm bảo kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp qua đó kiểm soát quá trình xử lý nước giảm thiểu nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn quy định.

- Các chủ hạ tầng tăng cường đầu tư hệ thống quan trắc tự động để tự giám sát chất lượng nước thải đầu ra giảm thiểu thải nước thải không đạt quy chuẩn gây ảnh hưởng đến môi trường.

- Tăng cường xây dựng đội ngũ nhân viên về môi trường tại các doanh nghiệp và chủ hạ tầng đảm bảo công tác bảo vệ môi trường được thực hiện tốt.

- Nhà nước giám sát nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng hệ thống quan trắc nước thải tự động do nhà nước đầu tư và do doanh nghiệp đầu tư qua đó cảnh báo, xử lý kịp thời các vi phạm qua đó giảm thiểu việc xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường.

- Ban Quản lý các KCN tăng cường kiểm tra, giám sát đối với việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp và chủ hạ tầng.

- Tăng cường công tác tuyên truyền các văn bản pháp luật về môi trường đến các doanh nghiệp.

- Xây dựng các văn bản pháp luật về môi trường trong việc quy định thực

hiện bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp.

3. Biện pháp ứng phó sự cố tràn dầu trên sông và trên đất liền.

Sự cố tràn dầu trên có thể gây ra thiệt hại vô cùng lớn đặc biệt là sự cố tràn dầu trên sông vì dầu tràn và lan truyền trong nước rất nhanh ảnh hưởng trên diện rộng do đó sẽ thiệt hại đến con người, tài sản, môi trường, tài nguyên thiên nhiên rất lớn và ảnh hưởng rất lâu dài.

Do đó, để tăng cường các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 về ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

- Trong năm 2015, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 về trình tự, thủ tục và thẩm quyền thẩm định phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (thay thế Quyết định số 82/QĐ-BCĐUPSCTD ngày 28/11/2011 của Ban chỉ đạo ứng phó sự cố tràn dầu về việc ban hành quy định lập kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai). Quy định này áp dụng đối với đối tượng các cảng, bến thủy nội địa, cơ sở, dự án có hoạt động kinh doanh, sản xuất, vận chuyển, chuyển tải, sử dụng dầu, các sản phẩm dầu phải lập kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Một số nội dung cần thực hiện được quy định trong Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của UBND tỉnh, gồm:

- Hàng năm, tổ chức diễn tập phương án ứng phó sự cố tràn dầu đã được xây dựng trong Kế hoạch với sự chứng kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch theo quy định hiện hành.

- Đầu tư phương tiện, trang thiết bị ứng phó hoặc hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ sở có phương tiện, trang thiết bị ứng phó tương ứng với khả năng tràn dầu có thể xảy ra trong khu vực thuộc trách nhiệm để huy động kịp thời phương tiện, trang thiết bị, vật tư triển khai hoạt động ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu.

- Trường hợp cơ sở dễ xảy ra sự cố tràn dầu hoặc phát hiện sự cố tràn dầu phải có trách nhiệm báo cáo kịp thời đến một trong các cơ quan sau đây: Cảng vụ gần nhất, Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực, Chính quyền địa phương nơi gần nhất, các cơ quan liên quan được quy định tại Điều 12 của quy chế Hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu được ban hành kèm theo Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hàng năm phải có kế hoạch tổ chức tập huấn hoặc cử cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia ứng phó đi tập huấn để nâng cao kỹ năng ứng phó. Định kỳ tối thiểu 06 tháng một lần phải triển khai thực hành huấn luyện ứng phó sự cố tràn

dầu tại hiện trường.

- Chủ cơ sở phải cam kết bảo đảm tài chính để bồi thường mọi thiệt hại đối với ô nhiễm dầu do cơ sở gây ra và cam kết bảo đảm tài chính phải thể hiện trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phải chịu trách nhiệm bồi thường, chi phí ứng phó và thiệt hại về kinh tế, tổn thất về môi trường, phải phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết việc bồi thường thiệt hại. Cơ sở phải sẵn sàng tham gia vào hoạt động chung ứng phó sự cố tràn dầu theo sự điều động, chỉ huy thống nhất của các cơ quan có thẩm quyền.

- Thực hiện xây dựng quy chế phối hợp với các cảng lân cận trong việc ứng phó sự cố tràn dầu.

- Thường xuyên cập nhật kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu của cảng xung quanh khu vực.

- Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được duyệt phải cập nhật, sửa đổi, bổ sung khi có sự thay đổi lớn (tăng quy mô/phạm vi/lĩnh vực hoạt động) đối với hoạt động kinh doanh, sản xuất, vận chuyển, chuyển tải, sử dụng dầu và các sản phẩm dầu làm tăng rủi ro gây tràn dầu ở mức độ lớn.

- Định kỳ hàng năm (tháng 12 hàng năm) báo cáo tình hình, kết quả thực hiện, cập nhật các nội dung trong kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu lồng ghép vào trong nội dung báo cáo giám sát môi trường định kỳ gửi về đơn vị đã thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở.

CHƯƠNG IX. TÁC ĐỘNG CỦA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

9.1. Tác động của ô nhiễm môi trường đối với sức khỏe con người

9.1.1. Tác động trực tiếp do ô nhiễm môi trường nước

Chất lượng môi trường nước có ý nghĩa quan trọng và ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe con người. Hàng ngày, con người sử dụng nước sinh hoạt, đồng thời cũng thải ra môi trường một lượng nước thải xấp xỉ 80% lượng nước sử dụng. Trong khi đó, tốc độ đô thị hóa đang diễn ra khá nhanh và sự gia tăng dân số gây áp lực ngày càng tạo ra một sức ép lớn tới môi trường sống, đặc biệt là với nguồn nước sinh hoạt ngày càng trở nên thiếu hụt và ô nhiễm. Hiện tại nước thải sinh hoạt đô thị không có hệ thống xử lý tập trung mà trực tiếp xả ra nguồn tiếp nhận (sông, hồ, kênh, mương). Nước thải này chứa một lượng chất ô nhiễm hữu cơ, vi sinh, chất tẩy rửa, dầu mỡ...

Bảng 9.1. Thống kê số lượng ca nhiễm một số bệnh dịch, truyền nhiễm

Tên bệnh	Số người mắc bệnh				
	2016	2017	2018	2019	6 tháng đầu 2020
Sốt xuất huyết	3729	6098	8282	20897	1321
Bệnh tả	0	0	0	0	0
Thương hàn	0	7	9	11	4
Ly trực trùng	107	70	62	36	34
Ly Amip	1	0	1	0	3
Tiêu chảy	3374	2511	5432	6937	3531
Hội chứng tay chân miệng	2734	9171	12866	9926	379

(Nguồn: Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, 2020)

Thêm vào đó còn có các nguồn thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, khai thác khoáng sản... với thành phần các chất gây ô nhiễm đa dạng trong đó có dư lượng hóa chất BVTN và kim loại nặng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người.

Một khi môi trường nước bị ô nhiễm sẽ là nguyên nhân trực tiếp làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người chủ yếu thông qua hai con đường do ăn uống và do tiếp xúc. Sử dụng các loại rau quả, thủy hải sản được nuôi trồng trong nước bị ô nhiễm và tiếp xúc với môi trường nước bị ô nhiễm trong quá trình sinh hoạt và lao động của con người sẽ gây tổn hại đến sức khỏe của con người.

Trong số các bệnh khác nhau liên quan đến nước thì các bệnh thường gặp là tiêu chảy do vi rút Rota, dịch tả, thương hàn và phó thương hàn, lỵ trực trùng, lỵ Amip, hội chứng tay chân miệng, viêm gan, viêm dạ dày ruột tiêu chảy, viêm não, giun sán, đau mắt hột, các bệnh do muỗi truyền (sốt rét, sốt xuất huyết, viêm não Nhật Bản). Bên cạnh các bệnh về đường tiêu hóa như tiêu chảy, lỵ,... ô nhiễm nguồn nước còn gây bệnh thiếu máu, bệnh về da. Nguyên nhân chủ yếu do nguồn nước bị nhiễm kim loại nặng như Chì, Cadimi, Asen, v.v...

9.1.1.1. Bệnh do ảnh hưởng kim loại nặng trong nguồn nước mặt

Các kim loại nặng có trong nước là cần thiết cho sinh vật và con người vì chúng là những nguyên tố vi lượng mà sinh vật cần tuy nhiên với hàm lượng cao nó lại là nguyên nhân gây độc cho con người, gây ra nhiều bệnh hiểm nghèo như ung thư, đột biến. Các kim loại nặng trong nước ảnh hưởng đến sức khỏe con người là Ag, Hg, Pb, Asen, Zn...

Nguồn kim loại trong nước một phần do tự nhiên và một phần do con người thải vào môi trường thông qua các hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, sinh hoạt hàng ngày. Đi vào cơ thể con người thông qua chuỗi thức ăn, tiếp xúc trực tiếp và qua đường hô hấp. Mỗi loại kim loại khi nhiễm vào cơ thể sẽ gây ra các bệnh và triệu chứng khác nhau tùy thuộc vào nồng độ, thời gian tiếp xúc và tần suất tiếp xúc. Một số kim loại phổ biến có tác động đến sức khỏe con người như sau:

- Cadmi sau khi vào cơ thể cũng sẽ loại bỏ canxi trong xương, gây loãng xương, rạn xương, làm xương bị giòn, dễ gãy.

- Chì (Pb) trong nước tồn tại ở dạng acetat chì, cacbonat chì,... chì tồn tại ở những dạng này rất nguy hiểm và có độ độc tính cao. Sự nhiễm độc chì thường không biểu hiện bằng các dấu hiệu lâm sàng rõ rệt. Chì ảnh hưởng tới sự tổng hợp hemoglobin trong máu, làm cản trở sự vận chuyển oxi trong máu và có thể dẫn đến sự thiếu máu. Nó cũng gây ảnh hưởng đến sự chuyển hóa của tế bào, sự dẫn truyền thần kinh cũng như khả năng khử độc của gan, làm suy giảm trí tuệ người lớn. Điều ít được biết là chì làm tăng huyết áp ở phụ nữ mang thai. Chì ở liều lượng thấp cũng ngăn cản sự phát triển sinh lý và trí tuệ của trẻ sơ sinh và trẻ em. Liều độc của acetat chì là 1mg và của cacbonat chì là 2 - 4g đối với người lớn. Việc điều trị nhiễm độc chì rất phức tạp, tỷ lệ khỏi bệnh rất thấp.

- Thủy ngân (Hg) được biết tới là một chất nguy hiểm đối với hệ thần kinh, chức năng sinh sản của con người. Nước thải công nghiệp có chứa thủy ngân ở dạng muối vô cơ của Hg(I), Hg(II) hoặc các hợp chất hữu cơ chứa Hg. Hg đi vào cơ thể con người chủ yếu qua chuỗi thức ăn.

- Asen (As) có mặt trong nước tự nhiên với nồng độ thấp, chỉ khoảng vài g/L hoặc nhỏ hơn (Tổ chức y tế thế giới đề nghị mức giới hạn của Asen là 0,01mg/L trong nước uống). Việc hấp thụ một lượng lớn Asen trong thời gian dài (thường trên 10 năm) có thể dẫn tới ngộ độc Asen mãn tính (hội chứng Arsenosis syndrome) với màu da xám đen, dày sừng bàn tay, bàn chân, tóc rụng, viêm dạ dày - ruột, viêm móng mắt, dáng đi loạng choạng, người gầy còm, kiệt

sức rồi tử vong trong vài năm. Đối với phụ nữ mang thai, Asen có thể gây sảy thai. Ngộ độc Asen cấp tính (thường do nhầm lẫn hoặc bị đầu độc) có triệu chứng giống như bệnh tả, xuất hiện rất nhanh. Bệnh nhân nôn mửa, đau bụng, tiêu chảy liên tục (phân không tanh), khát nước dữ dội, mạch yếu, mặt nhợt nhạt rồi thâm tím, bí tiểu và chết sau 48 giờ. Trên thực tế thường gặp hội chứng nhiễm độc Asen mãn tính do nguồn nước có hàm lượng Asen quá cao (trên 100 lần mức khuyến cáo giới hạn). (Nguồn: Cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Bộ Y tế, 2015)

9.1.1.2. Bệnh gây ra do nguồn nước mặt bị nhiễm khuẩn

Vi khuẩn có hại trong nguồn nước bị nhiễm bẩn chứa các virus gây nên bệnh tả, thương hàn và bại liệt,... Một số bệnh dịch, truyền nhiễm nguyên nhân một phần là do sử dụng nước bị nhiễm bẩn như sau:

- Bệnh tả: là bệnh truyền nhiễm cấp tính do phẩy khuẩn tả gây ra. Bệnh lây truyền qua đường tiêu hoá. Bệnh có biểu hiện là đi tiêu phân lỏng nhiều, ói nhiều lần,... sẽ nhanh chóng mất nước - điện giải, trụy tim mạch, suy kiệt và tử vong nếu không được điều trị kịp thời. Bệnh có thể gây thành dịch, bệnh thường xảy ra vào mùa hè, sau những đợt thiên tai lớn (bão, lụt,...) và ở những nơi có vệ sinh kém, không đủ nước sạch cung cấp, hay xử lý phân, rác chưa tốt...

- Bệnh thương hàn: là bệnh lây qua đường tiêu hoá. Bệnh nhân bị sốt kéo dài, gây nhiều biến chứng nguy hiểm như: xuất huyết tiêu hóa, viêm não, nhiễm trùng huyết... Đa số các trường hợp mắc bệnh là do ăn, uống phải các loại thực phẩm mang vi trùng, nước sinh hoạt bị nhiễm phân có vi khuẩn thương hàn không được nấu chín, hoặc do ăn phải thức ăn tươi sống được rửa bằng nguồn nước đã bị nhiễm khuẩn thương hàn.

- Bệnh lỵ trực khuẩn: là bệnh viêm đại tràng cấp tính. Bệnh lây qua đường tiêu hoá theo đường phân - miệng hoặc từ người sang người hoặc từ bàn tay bẩn nhiễm khuẩn, lây gián tiếp chủ yếu qua nước uống, thức ăn.

- Bệnh lỵ Amib: Tổn thương xảy ra chủ yếu ở đại tràng (bệnh lỵ Amib) và có thể ngoài đại tràng (bệnh Amib ở gan, phổi, não, da,...). Kén Amib nhiễm vào người qua đường tiêu hoá, qua ăn rau sống, uống nước lã...

- Nhiễm giun: bệnh do giun đũa, giun tóc, giun kim... lây truyền qua nước. Do phân có mang ấu trùng của giun nhiễm vào nước gặp điều kiện thuận lợi thì nhiễm qua người. Bệnh thường gặp ở trẻ em, do đi chân đất hoặc chơi đùa dưới đất... Ấu trùng của các loại giun này sẽ chui vào ruột, mắt, não, mắt,... gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe.

- Bệnh do muỗi truyền: những bệnh do muỗi truyền thường thấy là bệnh sốt rét, sốt xuất huyết, viêm não Nhật Bản... Các bệnh này dễ lây lan và có thể bùng phát thành dịch lớn. Bệnh lây truyền bằng cách: muỗi chích đốt người bị bệnh sau đó chích đốt người khỏe mạnh, mầm bệnh sẽ truyền vào người khỏe qua vết chích đốt của muỗi. Ao tù, nước đọng, cống rãnh, vật chứa nước... là nơi muỗi đẻ trứng và phát triển thành muỗi trưởng thành tiếp tục phát tán mầm bệnh đi

khắp nơi.

- Các bệnh ngoài da, bệnh phụ khoa: đa phần các bệnh về mắt, bệnh ngoài da và bệnh phụ khoa có thể truyền từ người bệnh sang người lành qua nước. Bởi vậy để phòng tránh các bệnh này cần có đủ nước sạch để sử dụng hàng ngày, đồng thời thực hiện vệ sinh cá nhân tốt, tắm rửa hay giặt giũ phải dùng xà phòng và nước sạch, mỗi người phải sử dụng một khăn mặt riêng, không dùng chung quần áo với người bệnh và không mặc quần áo khi còn ẩm.

Các bệnh nêu trên gây ảnh hưởng đến sức khỏe và môi trường cộng đồng. Vì vậy, công tác xử lý và khử trùng nước đóng vai trò cực kỳ quan trọng đối với các cơ sở cung cấp nước. Điều này góp phần tích cực trong việc ngăn ngừa các vi sinh vật xâm nhập vào nguồn nước, hạn chế tối đa các bệnh lây truyền qua nguồn nước, bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ nguồn nước.

9.1.1.3. Các bệnh gây ra do nguồn nước mặt bị ô nhiễm hữu cơ

Cacbonhidrat, protein, chất béo... thường có mặt trong nước thải sinh hoạt, nước thải đô thị, nước thải công nghiệp chế biến thực phẩm là các chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học. Trong nước thải sinh hoạt, có khoảng 60 - 80% lượng chất hữu cơ thuộc loại dễ phân hủy sinh học. Chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học thường ảnh hưởng có hại đến nguồn lợi thủy sản vì khi bị phân hủy các chất này sẽ làm giảm oxy hòa tan trong nước, dẫn đến chết tôm cá. Các chất hữu cơ có độc tính cao thường là các chất bền vững, khó bị vi sinh vật phân hủy trong môi trường. Một số chất hữu cơ có khả năng tồn lưu lâu dài trong môi trường và tích lũy sinh học trong cơ thể sinh vật. Do có khả năng tích lũy sinh học, nên chúng có thể thâm nhập vào chuỗi thức ăn và từ đó đi vào cơ thể con người. Chất thải hữu cơ phân hủy gây ra mùi và các khí độc hại như: CH_4 , CO_2 , NH_3 ,... làm ô nhiễm nước và ảnh hưởng đến sức khỏe con người thông qua con đường tiếp xúc, ăn uống.

Chất thải có chứa các chất hữu cơ bền vững như: các polychlorophenol (PCPs), polychlorobiphenyl (PCBs: polychlorinated biphenyls), các hydrocacbon đa vòng ngưng tụ (PAHs: polycyclic aromatic hydrocarbons), các hợp chất dị vòng N hoặc O là các hợp chất hữu cơ bền vững. Các chất này thường có trong nước thải công nghiệp, nước chảy tràn từ đồng ruộng (có chứa nhiều thuốc trừ sâu, diệt cỏ, kích thích sinh trưởng...). Các hợp chất này thường là các tác nhân gây ô nhiễm nguy hiểm, ngay cả khi có mặt với nồng độ rất nhỏ trong môi trường và gây ảnh hưởng đến sức khỏe của con người. Các hợp chất này tồn tại bền vững, lâu trong môi trường và có khả năng tích lũy sinh học trong thực phẩm, nguồn nước, các mô mỡ của người và động vật thông qua các chuỗi thức ăn và gây ra các bệnh nguy hiểm đối với con người mà phổ biến nhất là gây ra bệnh ung thư.

Ngoài ra, việc áp dụng phổ biến biện pháp khử trùng bằng Clo như hiện nay còn gây nguy hại đến sức khỏe con người, khi Clo dễ phản ứng với các chất hữu cơ trong nguồn nước mặt bị ô nhiễm hữu cơ dùng để cấp cho hoạt động sinh hoạt của người dân sẽ tạo thành các phức chất nhóm Trihalomethanes,

Haloacetic acids là những chất hữu cơ khó bị loại bỏ ra khỏi nước, có nguy cơ gây ung thư cho người sử dụng nước.

9.1.2. Tác động trực tiếp do ô nhiễm môi trường không khí

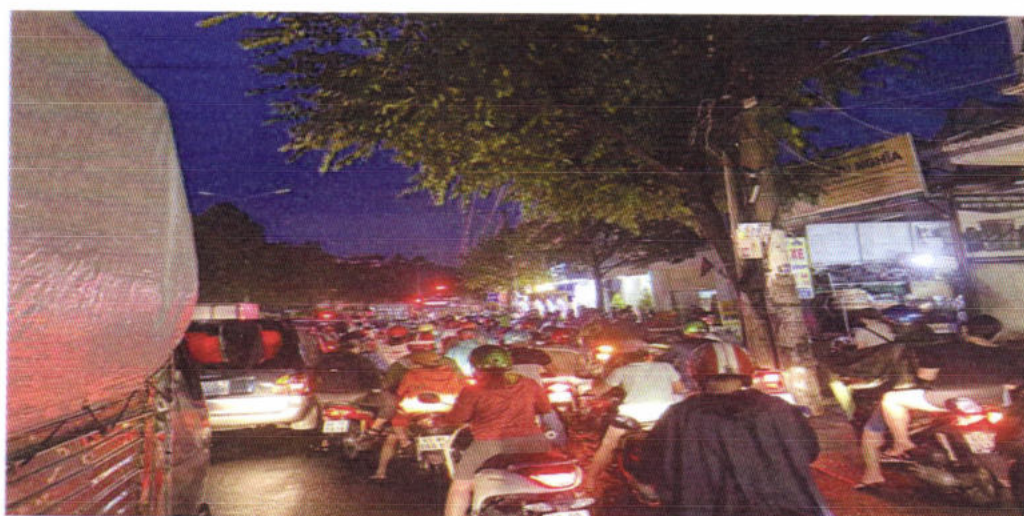
Không khí đóng vai trò rất quan trọng trong cuộc sống. Ô nhiễm không khí có thể nói là nguyên nhân của rất nhiều bệnh nghiêm trọng có thể gây tử vong lập tức. Những biểu hiện dễ nhận thấy nguyên nhân là do ô nhiễm không khí gây ra như chảy nước mắt, đỏ mắt, ho, thở khò khè,.... Ô nhiễm không khí còn gây ra các triệu chứng chóng mặt, đau đầu, các vấn đề tim mạch, rối loạn hành vi. Các nhóm cộng đồng nhạy cảm nhất với sự ô nhiễm không khí là những người cao tuổi, phụ nữ mang thai, trẻ em dưới 15 tuổi, người đang mang bệnh, người thường xuyên phải làm việc ngoài trời... Mức độ ảnh hưởng đối với từng người tùy thuộc vào tình trạng sức khỏe, nồng độ, loại chất ô nhiễm và thời gian tiếp xúc với môi trường ô nhiễm. Ngoài ra, ô nhiễm không khí góp phần làm suy giảm chức năng của hệ thần kinh, đẩy nhanh quá trình lão hóa, giảm chức năng của phổi, dễ mắc các bệnh hen suyễn, viêm phế quản, thậm chí có thể bị ung thư

Nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng ô nhiễm không khí chính là do giao thông đô thị với lưu lượng phương tiện dày đặc, đặc biệt là phương tiện giao thông cá nhân. Lượng phương tiện giao thông ấy thải ra lượng lớn khí độc hại như: SO_2 , NO_2 , CO , Pb ,.... Bên cạnh đó, việc gia tăng hoạt động của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất, sinh hoạt gia đình với hình thức đun nấu bằng than, củi và xây dựng, đốt rác thải, hút thuốc, bụi đường phố... ngoài việc sinh ra các khí độc còn có thêm bụi mịn trong không khí

Một dạng ô nhiễm không khí khác cũng gây tác động không nhỏ đến sức khỏe con người là ô nhiễm tiếng ồn. Tiếng ồn ngoài khả năng gây thương tích tai, gây bệnh điếc (sống trong tiếng ồn, sẽ khiến con người bị mắc những bệnh như đau đầu, lâu dần thành bệnh kinh niên, gây stress, căng thẳng thần kinh, dễ bị kích động), còn khiến con người mắc những bệnh về tim mạch và huyết áp: nghiên cứu cho thấy tiếp xúc thường xuyên với tiếng ồn trên 64 dB có thể khiến nguy cơ bị cao huyết áp tăng gần 90%. Ô nhiễm tiếng ồn có hại cho cả người lớn lẫn trẻ em: những người sống thường xuyên trong môi trường ô nhiễm tiếng ồn có sức khỏe kém hơn; trẻ em phải tiếp xúc với tiếng ồn liên tục sẽ gặp khó khăn với việc học tập, nhất là việc học ngôn ngữ bị ảnh hưởng rất nhiều.



Hình 9.1. Khu vực thi công các công trình gây bụi và ô nhiễm không khí do phát thải khí từ các máy móc thi công ảnh hưởng đến người dân xung quanh



Hình 9.2. Kẹt xe ở ngã tư Tân Phong, Tp. Biên Hòa

Mức độ ảnh hưởng của ô nhiễm không khí còn tùy thuộc vào tình trạng sức khỏe của từng người, vào nồng độ của loại chất gây ô nhiễm và thời gian tiếp xúc. Phụ nữ mang thai và trẻ em nếu tiếp xúc với không khí ô nhiễm trong khoảng thời gian dài sẽ có nguy cơ bị tổn hại sức khỏe lâu dài, ở mức độ nghiêm trọng hơn. Những năm gần đây, các bệnh ở trẻ em liên quan đến ô nhiễm không khí có xu hướng tăng cao, nổi bật là bệnh suyễn, nhiễm khuẩn đường hô hấp, lao, viêm phổi, bại não, ung thư và các dị tật bẩm sinh.

Bảng 9.2. Thống kê số lượng ca nhiễm một số bệnh về hô hấp

Tên bệnh	Số người mắc bệnh				
	2016	2017	2018	2019	6 tháng đầu 2020
Viêm phế quản	3.826	3.820	3.838	3.916	1816
Ung thư phổi/ (lao phổi)	0	321	290	252	82

(Nguồn: Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, 2020)

Một số ví dụ cụ thể:

Các chất hữu cơ bay hơi thường chỉ gây nhiễm độc cấp tính như suy nhược, chóng mặt, say, sưng tấy mắt, co giật, ngạt, viêm phổi... hoặc chỉ một lượng CO nhỏ hít vào cơ thể cũng có thể tạo ra lượng cacboxyhemoglobin (COHb) đáng kể và khi 70% hemoglobin trong máu bị chuyển thành COHb có khả năng gây chết người.

Tiếp xúc với khí NO₂ ở nồng độ khoảng 5 ppm sau một vài phút có thể ảnh hưởng xấu đến bộ máy hô hấp, ở nồng độ 15 - 50 ppm sau một vài giờ sẽ nguy hiểm cho phổi, tim và gan; ở nồng độ 100 ppm có thể gây tử vong sau vài phút.

Bụi mịn trong không khí, đặc biệt là bụi PM₁₀, PM_{2.5} vì với kích thước nhỏ sẽ thâm nhập sâu hơn vào trong phổi là tác nhân gây ra bệnh ung thư phổi.

9.1.3. Tác động gián tiếp do ô nhiễm môi trường đất

Ô nhiễm đất cũng gây nhiều tác hại đến sức khỏe con người. Ô nhiễm đất không chỉ ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và chất lượng nông sản, mà còn thông qua lương thực, rau, củ, quả... ảnh hưởng tới sức khỏe con người và động vật thông qua chuỗi thức ăn. Đất bị ô nhiễm trực tiếp ảnh hưởng đến sức khỏe con người thông qua tiếp xúc trực tiếp với đất hoặc qua đường hô hấp do sự bốc hơi của chất gây ô nhiễm đất; thông qua sự xâm nhập của ô nhiễm đất vào tầng nước ngầm. Ô nhiễm kim loại nặng trong đất ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng, đặc biệt là trẻ em.

Chất thải rắn đô thị cũng là một nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường đất nếu không được quản lý thu gom và kiểm soát đúng quy trình kỹ thuật. Hầu như, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, tập trung, phân loại và xử lý. Sau khi phân loại có thể tái sử dụng hoặc xử lý rác thải đô thị để chế biến phân hữu cơ, hoặc đốt chôn. Cuối cùng vẫn là chôn lấp và ảnh hưởng tới môi trường đất. Ô nhiễm môi trường đất tại các bãi chôn lấp có thể do mùi hôi sinh ra do phân hủy rác làm ảnh hưởng tới sinh vật trong đất, giảm lượng oxy trong đất. Nước rỉ từ các hầm ủ và bãi chôn lấp có tải lượng ô nhiễm chất hữu cơ rất cao (thông qua chỉ số BOD₅ và COD) cũng như các kim loại nặng như Cu, Zn, Pb, Al, Fe, Cd, Hg và cả các chất như P, N, ... cũng cao. Nước rỉ rác ngấm xuống đất gây ô nhiễm đất và nước ngầm.

Các hoạt động công nghiệp cũng có thể là nguồn gây ô nhiễm đất một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Nguồn gây ô nhiễm trực tiếp là khi chúng được thải trực tiếp vào môi trường đất. Nguồn gây ô nhiễm gián tiếp là chúng được thải vào môi trường nước, môi trường không khí nhưng do quá trình vận chuyển, lắng đọng chúng di chuyển đến đất và gây ô nhiễm đất. Các kim loại nặng là nguồn chất độc nguy hiểm đối với hệ sinh thái đất, chuỗi thức ăn và con người. Những kim loại nặng có tính độc cao, nguy hiểm như: Thủy ngân (Hg), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Niken (Ni); các kim loại nặng có tính độc mạnh là Asen (As), Crom (Cr), Mangan (Mn), Kẽm (Zn), và Thiếc (Sn).

Những chuồng trại chăn nuôi gia súc như trại heo, trại gà, phân gia súc không được thu gom, xử lý bảo đảm kỹ thuật và vệ sinh môi trường thì sẽ là hiểm họa cho môi trường đất, làm đất mất khả năng tự làm sạch. Ngoài ra, hậu quả của chiến tranh cũng đã để lại một số lượng chất độc hóa học dioxin tồn lưu trong đất.

Đất bị ô nhiễm ảnh hưởng đến sức khỏe con người thông qua tiếp xúc trực tiếp với đất hoặc qua đường hô hấp do sự bốc hơi của chất gây ô nhiễm đất, các mối đe dọa tiềm tàng lớn hơn được đặt ra bởi sự xâm nhập của ô nhiễm đất vào tầng nước ngầm được sử dụng cho con người, đôi khi ở những khu vực dường như rất xa so với bất kỳ nguồn gây ô nhiễm rõ ràng trên mặt đất. Hậu quả khi tiếp xúc với đất ô nhiễm rất khác nhau tùy thuộc vào loại chất gây ô nhiễm, cách thức tấn công và tính dễ bị tổn thương của con người khi tiếp xúc. Ở liều lượng đủ một số lượng lớn các chất gây ô nhiễm đất có thể gây tử vong do thông qua tiếp xúc trực tiếp, hít hoặc uống phải nguồn nước bị nhiễm các chất ô nhiễm tích tụ, tồn lưu trong đất.

Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, các kim loại nặng tồn lưu trong đất sẽ tích tụ trong cây trồng, nước dưới đất. Thông qua con đường ăn uống các chất độc sẽ đi vào cơ thể và tích tụ đến khi vượt mức giới hạn cho phép sẽ gây ra các bệnh nguy hiểm cho con người. Các hợp chất hữu cơ, kim loại nặng có thể gây ung thư, rối loạn các chức năng của cơ thể ví dụ như PCBs và cyclodienes có liên quan đến nhiễm độc gan, Organophosphates và carbomates có thể gây ra một chuỗi các phản ứng dẫn đến tắc nghẽn thần kinh cơ, tiếp xúc mãn tính với benzene xác suất mắc bệnh bạch cầu khá cao, nhiều loại dung môi clo gây ra những thay đổi gan, thận, ...

9.1.4. Tác động gián tiếp do ô nhiễm từ chất thải rắn

Việc quản lý và xử lý chất thải rắn không hợp lý không những gây ô nhiễm môi trường mà còn ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe con người, đặc biệt đối với người dân sống gần khu vực làng nghề, khu công nghiệp, bãi chôn lấp chất thải...

Người dân sống gần bãi rác không hợp vệ sinh có tỷ lệ mắc các bệnh da liễu, viêm phế quản, đau xương khớp cao hơn hẳn những nơi khác. Tỷ lệ người ốm và mắc các bệnh như tiêu chảy, da liễu, hô hấp... tại khu vực chịu ảnh hưởng của bãi rác cao hơn hẳn so với khu vực không chịu ảnh hưởng. Hiện tại chưa có

số liệu đánh giá đầy đủ về sự ảnh hưởng của các bãi chôn lấp tới sức khỏe của những người làm nghề nhặt rác thải. Những người này thường xuyên phải chịu ảnh hưởng ở mức cao do bụi, mầm bệnh, các chất độc hại, côn trùng đốt/chích và các loại hơi khí độc hại trong suốt quá trình làm việc. Vì vậy, các chứng bệnh thường gặp ở đối tượng này là các bệnh về cúm, lỵ, giun, lao, dạ dày, tiêu chảy, và các vấn đề về đường ruột khác.

Chất thải rắn tiềm ẩn các chất ô nhiễm gây ảnh hưởng đến sức khỏe của con người và nổi bật trong số này là kim loại nặng, các chất hữu cơ khó phân hủy. Qua thời gian các chất này đi vào nước mặt, nước ngầm, động thực vật và sẽ đi vào cơ thể con người sử dụng cho nhu cầu ăn uống, sinh hoạt hàng ngày. Hậu quả là con người sẽ suy giảm hệ miễn dịch, giảm khả năng trao đổi chất trong máu, mắc phải các bệnh như vô sinh, quái thai, dị tật ở trẻ sơ sinh, bệnh tim mạch, tê liệt hệ thần kinh, ung thư, di chứng sang thế hệ sau.

Chất thải y tế có thể tạo nên những mối nguy cơ cho sức khỏe con người. Chất thải y tế bao gồm một lượng lớn chất thải nói chung và một lượng nhỏ hơn các chất thải có tính nguy cơ cao. Đó là do trong chất thải y tế có thể chứa đựng các yếu tố truyền nhiễm, chất độc hại. Việc tiếp xúc với các chất thải y tế có thể gây nên bệnh tật hoặc tổn thương, các loại hóa chất và dược phẩm nguy hiểm, các chất thải phóng xạ, các vật sắc nhọn...

Chất thải nông nghiệp, đặc biệt chất thải chăn nuôi đang là một trong những vấn đề bức xúc của người nông dân. Phân và xác gia súc, gia cầm chết không được xử lý đúng các quy định sẽ là các ổ phát tán dịch bệnh, ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân.

9.2. Tác động của ô nhiễm môi trường đối với các vấn đề kinh tế - xã hội

9.2.1. Thiệt hại kinh tế do gánh nặng bệnh tật

Thiệt hại kinh tế do ô nhiễm không khí ảnh hưởng đến sức khỏe người dân bao gồm các khoản chi phí: chi phí khám và thuốc chữa bệnh, tổn thất mất ngày công lao động do nghỉ ốm, chi phí phục hồi sức khỏe sau nhiễm bệnh, chi phí phòng chống bệnh tật, tổn thất thời gian của người nhà chăm sóc người ốm,... Bệnh liên quan đến ô nhiễm môi trường còn ảnh hưởng đến người thân, tạo nên chi phí gián tiếp do nghỉ học, nghỉ làm khi người thân bị ốm. Đa số người dân được hỏi sau khi nghỉ ốm để điều trị bệnh hoặc có người thân bị ốm thì bị giảm khoảng 20% thu nhập và suy giảm về sức khỏe khoảng 20% so với trước khi bị bệnh. Kéo theo đó, là những ảnh hưởng tâm lý bất ổn khiến người ta khó có thể tập trung cho công việc và học hành khiến hiệu quả năng suất không cao, thậm chí ở nhiều nghề nghiệp, sự mất tập trung sẽ gây hậu quả nghiêm trọng về kinh tế, tính mạng.

9.2.3. Thiệt hại đối với hoạt động du lịch

Đồng Nai có nhiều di tích lịch sử, văn hoá và các điểm du lịch có tiềm năng: Khu Văn miếu Trấn Biên, đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, khu du lịch Bửu Long, khu du lịch ven sông Đồng Nai, Vườn quốc gia Cát Tiên, Chiến khu D,

Căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa U1, điểm du lịch sinh thái Thác Giang Điền, thác Đá Hàn, làng bưởi Tân Triều, Thác Mai - hồ nước nóng, Đảo Ó, ...

Với lợi thế đó, Đồng Nai có nhiều tiềm năng về phát triển du lịch sinh thái. Theo kết quả khảo sát năm 2013 của Sở VHTTDL Đồng Nai, có gần 60% khách du lịch muốn thăm cảnh rừng, xem suối thác, thú rừng; trên 32% chọn thăm cảnh sông, tắm sông và các khu vườn trái cây; có gần 20% số khách muốn thăm các di tích lịch sử, nhà cổ, văn cảnh chùa; gần 8% chọn thăm làng dân tộc...

Từ đây, có thể thấy được, nhu cầu về du lịch sinh thái, sông nước đến Đồng Nai rất lớn. Việc khai thác du lịch sinh thái cũng đã được địa phương quan tâm chú trọng. Tuy nhiên vấn đề ô nhiễm môi trường ngày càng tăng đã ảnh hưởng tiêu cực đến ngành du lịch tỉnh Đồng Nai. Do quá trình phát triển đô thị sẽ làm gia tăng mật độ dân cư, lưu lượng các phương tiện giao thông và các nhà máy xí nghiệp. Đây chính là các nguồn phát sinh chủ yếu ô nhiễm không khí. Các tác động của ô nhiễm môi trường không khí đến ngành du lịch của tỉnh được thể hiện cụ thể:

- Tác động đến tài nguyên sinh học phục vụ cho dịch vụ du lịch sinh thái:

Ô nhiễm không khí gây ảnh hưởng tai hại cho tất cả sinh vật, các chất có trong không khí bị ô nhiễm như lưu huỳnh đioxit, Nitơ đioxit, ozon, fluor, chì... gây hại trực tiếp cho thực vật khi đi vào khí khổng, làm hư hại hệ thống giảm thoát nước và giảm khả năng kháng bệnh

Các chất gây ô nhiễm không khí có tính a xít sẽ kết hợp với các giọt nước trong đám mây làm cho nước có tính acid. Khi những giọt nước rơi xuống mặt đất sẽ gây hại cho môi trường : giết chết cây cối, động vật, cá,...Mưa acid cũng làm thay đổi tính chất của nước ở các sông, suối,...làm tổn hại đến những sinh vật sống dưới nước.

- Tác động đến sức khỏe người dân và khách tham quan du lịch:

Các điểm tham quan du lịch văn hóa, các kiến trúc có vị trí tọa lạc gần các khu công nghiệp, xí nghiệp, các mỏ khai thác khoáng sản,... thường có nồng độ ô nhiễm không khí cao sẽ dẫn đến các bệnh liên quan đến đường hô hấp, các bệnh về da liễu,... cho các hộ dân xung quanh và khách du lịch đến tham quan.

Tuy nhiên, tại Đồng Nai vấn đề ô nhiễm môi trường tại các khu du lịch chỉ diễn ra ở quy mô nhỏ lẻ, các khu du lịch đã có thể tự khắc phục, nên không gây ảnh hưởng lớn đến ngành du lịch tại Đồng Nai.

9.2.2. Thiệt hại kinh tế do ảnh hưởng đến thủy sản và nông nghiệp

Theo kết quả quan trắc chất lượng nước trong 3 năm từ 2015-2017 tại Làng cá bè Tân Mai nằm dọc sông Cái thuộc 3 phường Tân Mai, Tam Hiệp, Thống Nhất của thành phố Biên Hòa có hàm lượng dinh dưỡng luôn cao vượt chuẩn, hàm lượng oxy hòa tan khu vực thấp nhất toàn đoạn sông.

Đồng thời, các lồng bè nuôi sát nhau, làm cản trở lưu thông dòng chảy, mật độ nuôi cao, và một số lý do kỹ thuật khác khiến cá nuôi bè dễ chết, có nhiều

trường hợp cá chết hàng loạt, đặc biệt trong các tháng cuối năm đến đầu năm, gây thiệt hại to lớn cho người nuôi. Điển hình như vào đầu tháng 1/2016, ước tính có 370 tấn cá chết trắng trên cả làng bè.

Trong giai đoạn từ 2018 tới 2020 cũng xảy ra hiện tượng cá nuôi bè chết trên sông La Ngà, cụ thể:

+ Rạng sáng ngày 21/05/2018, cá nuôi trong bè của các hộ nuôi trên địa bàn 2 xã La Ngà và Phú Ngọc thuộc huyện Định Quán có hiện tượng nổi đầu, chết hàng loạt. Cá chết bắt đầu từ các hộ nuôi ở thượng lưu sông La Ngà sau đó đổ về phía hạ lưu, khoảng gần 5km. Theo số liệu thống kê ban đầu của UBND huyện Định Quán tại báo cáo số 200/BC-UBND ngày 21/05/2018 có tới 80 hộ bị thiệt hại với số lượng cá chết ước tính khoảng 1.548 tấn. Đến ngày 01/06/2018 thì con số đã lên tới 121 hộ với 550 lồng bè, số lượng thiệt hại là 1992,5 tấn. Nguyên nhân là do chất lượng nước của sông La Ngà đang trong tình trạng ô nhiễm hữu cơ cao, Oxy hòa tan thấp, tổng vi khuẩn hiếu khí khác cao. Sự biến động đột ngột các yếu tố môi trường không thuận lợi trên khiến cá bị sốc và chết hàng loạt.

+ Đêm 15/05/2019 đến khoảng 6 giờ sáng ngày 16/05/2019, trên địa bàn khu vực nuôi cá bè 2 xã La Ngà, Phú Ngọc có những cơn mưa lớn kéo dài. Thời điểm này cá trong bè nuôi của các hộ dân bắt đầu có hiện tượng nổi đầu và chết hàng loạt từ trên thượng nguồn kéo xuống hạ lưu cầu La Ngà. Thống kê thiệt hại cho thấy xã Phú Ngọc có 41 hộ với 143 dèo, 9 bè, thiệt hại 548,5 tấn cá; xã La Ngà có 40 hộ với 165 dèo, 17 bè thiệt hại 427,9 tấn cá. Nguyên nhân được cho là thời điểm xảy ra cá chết, chất lượng nước khu vực khảo sát của sông La Ngà đang trong tình trạng ô nhiễm hữu cơ cao, Oxy hòa tan thấp, tổng vi khuẩn hiếu khí cao. Sau cơn mưa lớn kéo dài từ đêm và sáng ngày 16/05/2019, các hợp chất hữu cơ, bùn đất (từ sản xuất nông nghiệp, chất thải sinh hoạt,...) được cuốn trôi vào thủy vực (điều này được thể hiện qua kết quả kiểm tra hàm lượng ammonia, nitrite và COD đều ở mức vượt ngưỡng), các vi sinh vật hiếu khí hoạt động mạnh khiến Oxy hòa tan trong nước giảm đáng kể. Ngoài ra sự thiết hụt Oxy sẽ tạo điều kiện hình thành các khí độc: NH_3 , H_2S , CH_4 dẫn tới tình trạng cá bị sốc, ngộ độc, giảm sức đề kháng.

+ Rạng sáng 21/06/2020 cá nuôi bè có hiện tượng lơ dờ, nổi đầu và bắt đầu chết tại các hộ nuôi cá bè ở ấp 5, xã La Ngà, hồ Trị An thuộc nhánh sông La Ngà. Qua kiểm tra thực tế tổng số hộ cá cá nuôi bè bị chết là 10 hộ, tổng số lượng lồng nuôi thiệt hại là 77 lồng, số lượng cá chết thiệt hại 110,6 tấn. Nguyên nhân là do lượng nước từ thượng nguồn đổ về nhiều kèm theo lượng bùn đất lớn làm cá bị sặc bùn dẫn đến chết.

9.2.4. Thiệt hại kinh tế do chi phí cải thiện môi trường.

Bên cạnh tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa khá nhanh và sự gia tăng dân số gây áp lực ngày càng tạo ra một sức ép lớn tới môi trường. Việc phát sinh chi phí để cải thiện môi trường vẫn còn rất lớn, cụ thể trong từ tháng 01/2016 đến 06/2020: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh đã tài trợ không hoàn lại 0,786 tỷ đồng

cho các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phân loại rác thải tại nguồn, duyệt cho vay 38 dự án với số tiền 132,02 tỷ đồng; trong đó, Quỹ đã ưu tiên hỗ trợ vốn cho các dự án đầu tư công trình bảo vệ môi trường có tính chất phục vụ cộng đồng, tác dụng trên diện rộng. Cụ thể, đơn vị đã hỗ trợ vốn vay cho: 18 dự án đầu tư xe ép rác chuyên dùng với số tiền 22,386 tỷ đồng; 03 dự án đầu tư Hệ thống xử lý nước thải tại các Công ty và Khu công nghiệp với số tiền 37,2 tỷ đồng, 01 dự án đầu tư thiết bị môi trường với số tiền 3,1 tỷ đồng, 01 dự án đầu tư lò đốt chất thải rắn với số tiền 8,4 tỷ đồng, 04 dự án đầu tư ô chôn lấp chất thải với số tiền 37,15 tỷ đồng, 01 dự án hệ thống quan trắc khí tự động với số tiền 1,6 tỷ đồng.

9.3. Tác động của ô nhiễm môi trường đối với cảnh quan và hệ sinh thái

9.3.1. Đối với cảnh quan

Đô thị hóa và phát triển công nghiệp nhanh cũng như mở rộng, vấn đề chất thải rắn càng là gánh nặng của sự phát triển kinh tế - xã hội. Bình thường các đô thị sẽ quy hoạch các vùng đất ngoại ô để xây dựng khu xử lý chất thải nhằm làm giảm tác động đến môi trường và cuộc sống của người dân. Thành phố Biên Hòa có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp của Công ty CP Môi trường Sonadezi và nhà máy xử lý rác hữu cơ của Công ty cổ phần môi trường Đồng Xanh tại phường Trảng Dài (hiện nay đều đã ngưng hoạt động).

Bãi chôn lấp rác thải Trảng Dài thuộc loại lớn, yêu cầu khoảng cách tối thiểu từ vị trí bãi rác tới vành đai công trình đô thị từ 5 - 15km. Tuy nhiên do nhu cầu về đất ở cho lượng dân nhập cư đến phường Trảng Dài nên tình hình xây dựng trái phép tràn lan và không còn giữ được khoảng cách tối thiểu của khu dân cư đến bãi chôn lấp. Mặc dù, đã đóng cửa bãi chôn lấp rác thải này, nhưng với khối lượng rác thải đã có ở đây đã và đang ảnh hưởng rất lớn đến cảnh quan chung của cả khu vực này, mùi từ quá trình phân hủy rác ảnh hưởng đến người dân xung quanh và có thể bay xa trong phạm vi bán kính 5km tùy điều kiện thời tiết. *(Nguồn: Báo cáo chuyên đề môi trường đô thị trên địa bàn tỉnh đồng nai năm 2018)*

Mỗi khi trời mưa lớn, nước chảy tràn cuốn rác thải xuống đường tiêu thoát nước, làm tắc nghẽn miệng cống thoát nước, cản trở dòng chảy cục bộ, góp phần khiến tình trạng ngập lụt ở đô thị trở nên trầm trọng hơn.

9.3.2. Đối với sinh thái

Không những tác động tiêu cực đến sức khỏe con người, ô nhiễm môi trường còn gây tác động đến hệ sinh thái. Ô nhiễm môi trường có ảnh hưởng đến hệ sinh thái, nơi mà tất cả chúng ta đang sinh sống.

Khi đất bị ô nhiễm sẽ làm đất đai cằn cỗi, cây cối không thể phát triển được, ảnh hưởng đến rất nhiều các loài sinh vật. Điều này sẽ ảnh hưởng đến các cơ thể sống khác trong lưới thức ăn. Bên cạnh đó, ô nhiễm không khí gây ra mưa axit, gây ra hiện tượng khói bụi che chắn làm giảm ánh sáng mặt trời, ảnh hưởng đến sự quang hợp và phát triển của thực vật...Lưu huỳnh điôxit và các

ôxít của nitơ có thể gây mưa axít làm giảm độ pH của đất.

Các chất thải công nghiệp, hoá chất bảo vệ thực vật và phân bón trong nông nghiệp, hoá chất sử dụng trong khai thác khoáng sản, nguồn chất thải sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường, thêm vào đó việc lắng tụ phù sa từ quá trình rửa trôi đất đã làm giảm chất lượng nguồn nước, làm mất các thủy vực, đe dọa sự tồn tại của các loài thủy sinh, ảnh hưởng trực tiếp đến mọi cấp độ của đa dạng sinh thái.

Hiện tượng ô nhiễm môi trường cũng khiến các loài động vật có thể xâm hại, cạnh tranh chiếm môi trường sống và làm nguy hại cho các loài địa phương, từ đó làm giảm đa dạng sinh học.

9.4. Phát sinh xung đột môi trường

Xung đột môi trường xảy ra trong xã hội khi vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế chưa dung hòa được với nhau. Trong những năm gần đây, khi xã hội càng phát triển, nhận thức của cộng đồng càng cao, trong khi đó, lợi ích kinh tế vẫn được đặt lên trên vấn đề bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng thì số các vụ xung đột môi trường càng nhiều.

Các xung đột môi trường thường gặp ở tỉnh Đồng Nai:

- + Xung đột môi trường do sản xuất nhỏ lẻ nằm xen kẽ trong khu dân cư gây ra tiếng ồn hoặc mùi dẫn đến xung đột với người dân xung quanh đó

- + Nước thải sản xuất không qua xử lý hoặc khí thải không được kiểm soát từ một số cơ sở sản xuất lớn xả trực tiếp vào môi trường gây ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng và gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản tại những vùng lân cận, từ đó làm xuất hiện những mâu thuẫn dẫn tới khiếu kiện của người dân xung quanh.

- + Xung đột môi trường trong chăn nuôi gia súc nổi bật trong thời gian vừa qua là các xung đột giữa chủ chăn nuôi với người dân sinh sống quanh. Nhiều trang trại chăn nuôi, lò mổ, xí nghiệp chế biến thực phẩm nằm xen lẫn trong khu dân cư, quy mô nhỏ lẻ, tự phát lại thiếu chú trọng đầu tư cho hệ thống xử lý nước thải và xử lý chất thải chăn nuôi... đang là nhân tố tác động làm tăng ô nhiễm và xung đột môi trường, phổ biến ở nông thôn. Cụ thể nhất là vào 10/2018 trang trại nuôi heo của Công ty TNHH Phan Thị Trâm tại xã Túc Trưng, huyện Đình Quán, Đồng Nai (gần hồ Trị An) có diện tích gần 12.000 m², với quy mô 2.400 con heo nái. Sự việc trang trại heo nằm ngay cạnh hồ Trị An (hồ cung cấp nước ngọt cho hàng triệu người dân Đồng Nai, Bình Dương, TP.HCM) khiến nhiều người dân lo ngại sẽ ảnh hưởng đến chất lượng nước vì chất thải đổ xuống hồ.

- + Xung đột giữa các cộng đồng sử dụng chung nguồn nước hiện nay cũng đang trở thành vấn đề nổi cộm.

- + Hoạt động khai thác khoáng sản ở đã và đang gây nhiều tác động xấu đến môi trường xung quanh. Biểu hiện rõ nét nhất là việc sử dụng thiếu hiệu quả các nguồn khoáng sản tự nhiên; tác động đến cảnh quan và hình thái môi trường; tích tụ hoặc phát tán chất thải; làm ảnh hưởng đến sử dụng nước, ô nhiễm nước.

Những hoạt động này đang phá vỡ cân bằng điều kiện sinh thái, gây ô nhiễm nặng nề đối với môi trường, trở thành vấn đề cấp bách mang tính xã hội của cộng đồng một cách sâu sắc.

CHƯƠNG X: QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

10.1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu về môi trường trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, địa phương

Giai đoạn 2016 - 2020, các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục được xây dựng theo hướng phát triển bền vững, toàn diện trên cả 3 lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường. Theo đó, nhóm chỉ tiêu về môi trường được đặt ra với mục tiêu duy trì bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao chất lượng môi trường sống và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Đến cuối năm 2019, các chỉ tiêu về môi trường đều được hoàn thành theo mục tiêu theo căn cứ Quyết định số 2325/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh ban hành Chương trình Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết tỉnh ủy hàng năm đề ra, kết quả như sau:

Bảng 10.1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về môi trường

TT	Chỉ tiêu	Năm			
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Tỷ lệ khu đô thị loại IV trở lên có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu	“Trạm XLNT số 1, thành phố Biên Hòa - giai đoạn 1, công suất 9.500m ³ /ngày” nhằm đảm bảo xử lý nước thải sinh hoạt cho khoảng 75.000 người: Dự án đã hoàn thành giai đoạn 1A công suất 3.000m ³ /ngày và chuyển giao cho UBND thành phố Biên Hòa quản lý và sử dụng năm 2018”			
2	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom	99,2	99	99,8	99,16
3	Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch	99,75	99,3	99,3	88,8
4	Tỷ lệ chất thải rắn nông thôn được thu gom	93,8	96	98,93	98,93
5	Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh	95	-	-	100
6	Tỷ lệ che phủ rừng	29,76	29,76	29,76	29,76
7	Tỷ lệ chất thải rắn được tái sử dụng, tái chế hoặc thu hồi năng lượng, sản xuất phân bón	29	-	-	57,66

8	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy	97	97	98	100
9	Tỷ lệ cụm, khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu	100	100	100	100
10	Số khu chôn lấp chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và hợp vệ sinh	7			
11	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy	100	100	100	100
12	Ngân sách chi bảo vệ môi trường (phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt)	162,471 tỷ	95,350 tỷ	88,635 tỷ	55,329 tỷ
13	Số cuộc thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường; số tiền bị phạt	45 vụ - 5,760 tỷ	126 vụ - 16,780 tỷ	70 vụ - 15,577 tỷ	48 vụ - 6,387 tỷ

Đánh giá việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

Được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND cùng với sự ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan Trung ương nên công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ngày càng đi vào nề nếp và mang lại hiệu quả, như sau:

- Về khai thác khoáng sản, công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, hoạt động cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản và tình hình hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã dần đi vào ổn định, hạn chế tình trạng khai thác khoáng sản trái phép gây thất thoát, lãng phí tài nguyên. Hệ thống chính sách và pháp luật hiện hành có liên quan đến công tác quản lý nhà nước về hoạt động thăm dò, khai thác và bảo vệ tài nguyên khoáng sản không ngừng được xây dựng, kiện toàn và phát triển trên cơ sở các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước, đã bám sát vào các vấn đề thiết thực, cụ thể hơn đáp ứng được yêu cầu quản lý khoáng sản địa phương.

- Về bảo vệ môi trường, tỉnh đã thực hiện các giải pháp, biện pháp tuyên truyền, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm góp phần tạo bước chuyển biến trong nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường của các ngành, các cấp, doanh nghiệp và nhân dân; hạn chế tình trạng ô nhiễm; cải thiện các khu vực ô nhiễm nghiêm trọng và các vấn đề môi trường cấp bách; và tăng cường, phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn. Việc thực hiện phối

hợp với các tổ chức chính trị xã hội thực hiện, ký kết liên tịch để tuyên truyền, hoạt động và để xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường trong tầng lớp nhân dân đã mang lại hiệu quả tích cực, nhiều mô hình được bảo vệ môi trường được nhân rộng, phát huy.

- Về ứng phó với biến đổi khí hậu, tỉnh đã ban hành nhiều chính sách trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Các ngành, lĩnh vực đã bước đầu lồng ghép và xây dựng các giải pháp về phát triển ngành theo hướng bền vững, bảo đảm sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, kiểm soát ô nhiễm môi trường và quản lý chất thải một cách hiệu quả; ưu tiên phát triển các ngành công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; phát triển và đẩy mạnh việc sử dụng công nghệ, thiết bị bảo vệ môi trường tiên tiến và thích hợp trong từng giai đoạn phát triển. Với vị trí là tỉnh công nghiệp trọng điểm, Đồng Nai luôn chủ động và sẵn sàng hợp tác, liên kết với các tỉnh, vùng, các Bộ, ngành Trung ương để có hướng đi, kế hoạch hành động thống nhất và đồng bộ, đảm bảo cho việc ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu ngày càng hiệu quả hơn.

- Đối với công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường luôn được các ngành, các cấp và các đoàn thể, đơn vị, các cơ sở kinh doanh, sản xuất quan tâm thực hiện, sử dụng các công cụ tuyên thông như báo đài, phóng sự,... để tuyên truyền về các chính sách pháp luật bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản nhất là kinh doanh vật liệu xây dựng, công tác quản lý, khai thác tài nguyên khoáng sản và giao thông đường thủy nội địa. Sử dụng các phương tiện truyền thông như báo, đài, phóng sự tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản và bảo vệ môi trường, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, kinh doanh vật liệu xây dựng và các quy định của tỉnh về quản lý, khai thác tài nguyên khoáng sản.

- Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường: UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở ban ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, UBND cấp huyện tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông bám sát theo các chủ đề, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, đặc biệt là các tuần lễ môi trường trong năm như: Ngày đất ngập nước (02/02), Giờ Trái đất, Ngày Đa dạng sinh học (22/05), Ngày Môi trường thế giới (05/06), Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn...; tập huấn triển khai văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường được triển khai kịp thời đến các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

- Thực hiện dân chủ cơ sở về bảo vệ môi trường, các thông tin, dữ liệu về môi trường (như kết quả quan trắc, hiện trạng chất lượng môi trường; các văn bản, quy định, các hoạt động về bảo vệ môi trường của địa phương,...) được thông tin công khai qua các cơ quan thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử

của tỉnh, của Sở Tài nguyên và Môi trường, chương trình phát thanh cấp huyện, xã, qua tiếp xúc cử tri, qua các buổi sinh hoạt của đoàn thể.... Qua đó, nhận thức của cộng đồng và doanh nghiệp về bảo vệ môi trường từng bước được nâng lên.

10.2. Tăng cường quản lý khai thác và kinh doanh khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 20/12/2016 của Tỉnh ủy

10.2.1. Công tác triển khai và kết quả đạt được

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực khoáng sản, bảo vệ môi trường, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, kinh doanh vật liệu xây dựng

Thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh ký nhiều văn bản chỉ đạo các Sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU, đồng thời các Sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện cũng đã xây dựng kế hoạch và đang tổ chức triển khai theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 1729/UBND-CNN ngày 01/3/2017 và Văn bản số 11068/UBND-CNN ngày 18/10/2018. Các Sở, ngành tỉnh cùng các cơ quan truyền thông thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về khoáng sản trên địa bàn tỉnh, nhất là kinh doanh vật liệu xây dựng, công tác quản lý, khai thác tài nguyên khoáng sản và giao thông đường thủy nội địa.

- Đối với hệ thống đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh 100% huyện có đài truyền thanh, thời lượng phát sóng 240 phút/ngày; 100% xã có đài truyền thanh, thời lượng phát sóng 180 phút/ngày. Trong các chương trình phát sóng, các đơn vị đã dành nhiều thời lượng tuyên truyền về Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 20/12/2016 của Tỉnh ủy.

Đối với các cơ quan báo chí tỉnh đã đăng tải nhiều tin, bài tuyên truyền nội dung sau: Luật Khoáng sản, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản, Chỉ thị số 14-CT/TU, Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 11/09/2015 và Chỉ thị số 23/CT-UBND ngày 24/12/2015 của UBND tỉnh. Trong đó, tập trung tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản và bảo vệ môi trường, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, kinh doanh vật liệu xây dựng và các quy định của tỉnh về quản lý, khai thác tài nguyên khoáng sản, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và các quy định về quản lý, khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân; tuyên truyền biểu dương những điển hình thực hiện tốt trong công tác bảo vệ môi trường, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, kinh doanh vật liệu xây dựng; đồng thời phê phán, đấu tranh những hành vi vi phạm pháp luật trong khai thác, kinh doanh khoáng sản trên địa bàn; tuyên truyền quán triệt, yêu cầu cán bộ, đảng viên chấp hành thực hiện nghiêm túc những điều đảng viên, công chức không được làm theo quy định của Đảng và pháp luật trong phòng, chống tham nhũng và các quy định hiện hành khác; kiên quyết xử lý nghiêm theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với cán bộ,

đảng viên và người dân thông đồng, tiếp tay cho hoạt động kinh doanh, khai thác khoáng sản trái quy định.

Công Thông tin điện tử tỉnh cập nhật đầy đủ và kịp thời các thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, chính sách, Kế hoạch chung của tỉnh Đồng Nai; các tin bài có liên quan đến pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, kinh doanh vật liệu xây dựng và các quy định của tỉnh về quản lý, khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn Đồng Nai.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã kịp thời tuyên truyền đến các Sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản biết và thực hiện các quy định, chính sách mới về khoáng sản như: Phối hợp Cục Kiểm soát hoạt động Khoáng sản miền Nam tổ chức tuyên truyền và tập huấn triển khai Nghị định 158/2016/NĐ-CP tới các Sở ngành, UBND cấp huyện, các Phòng Tài nguyên và Môi trường, các Doanh nghiệp hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh về những quy định mới của Nghị định 158/2016/NĐ-CP. Đồng thời, chủ động tổ chức triển khai tập huấn Nghị định 158/2016/NĐ-CP tại huyện: Thống Nhất, Long Thành, Xuân Lộc, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Triển khai đến 150 tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác tài nguyên nước và khoáng sản Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; tổ chức hội nghị tập huấn Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ cho hơn 230 tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức hội nghị tập huấn, triển khai các quy định pháp luật: Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019, Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015, Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015, Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015, Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 đến các Doanh nghiệp hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh để biết, thực hiện.

Sở Giao thông vận tải đã tổ chức triển khai Nghị định số 159/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa tới các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan đến thực hiện các dự án.

Công an tỉnh đã xây dựng 19 phóng sự 210 phút; các đơn vị nghiệp vụ xây dựng, đưa tin bài hàng trăm tin tuyên truyền thực hiện Chỉ thị 14 về kết quả đấu tranh, xử lý khai thác khoáng sản trái phép của Công an tỉnh phát trên Đài truyền hình Đồng Nai và các phương tiện truyền thông đại chúng. Thông qua các đợt phát động phong trào quần chúng Bảo vệ an ninh tổ quốc của Công an tỉnh, các phòng PC05, PV05 và Công an các địa phương đã lồng ghép nội dung tuyên truyền đến người dân về chính sách, pháp luật của nhà nước về khoáng sản, phát động mọi người dân cùng phối hợp cơ quan chức năng đấu tranh, xử lý các đối tượng vi phạm pháp luật trong hoạt động khoáng sản.

Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã tổ chức hội nghị tuyên truyền phổ biến Luật Trồng trọt năm 2018 và các văn bản hướng dẫn luật đến các Sở ngành, UBND cấp huyện vào ngày 26/6/2020. Đồng thời, tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 10047/KH-UBND ngày 21/08/2020 triển khai thi hành Luật Trồng trọt năm 2018 và các văn bản hướng dẫn luật đến các Sở ngành, UBND cấp huyện.

Sở Công Thương đã tổ chức tập huấn kỹ thuật an toàn trong công tác khoan nổ mìn đối với các mỏ đá trên địa bàn tỉnh. Sở Công Thương đã trực tiếp truyền đạt những nội dung cơ bản trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, các quy định khi làm việc, tiếp xúc với vật liệu nổ công nghiệp; những nguy cơ có thể gây tai nạn đối với thợ nổ mìn, kỹ thuật an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo đúng quy định về an toàn trong quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

Qua công tác thông tin, tuyên truyền của các cơ quan báo, đài về pháp luật khoáng sản và bảo vệ môi trường, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, kinh doanh vật liệu xây dựng và các quy định của tỉnh về quản lý, khai thác tài nguyên khoáng sản, đã góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và các quy định về quản lý, khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân; đồng thời tuyên truyền, biểu dương những điển hình tốt, phê phán, đấu tranh những hành vi vi phạm pháp luật trong khai thác, kinh doanh khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai, quán triệt Chỉ thị số 14-CT/TU của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh, các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa

Căn cứ Chỉ thị số 14-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh đã có Văn bản số 1729/UBND-CNN ngày 01/03/2017 triển khai đến các Sở ngành, UBND cấp huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai Chỉ thị số 14-CT/TU. Bên cạnh đó, UBND tỉnh ban hành các Văn bản quy phạm pháp luật về khoáng sản, cụ thể như:

- Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện Nghị Quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 4615/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh ban hành Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng tính thuế tài nguyên với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng tính thuế tài nguyên với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quy chế phối hợp số 37/QCPH-TPHCM-BRVT-ĐN-BD-TN-LA-TG-BP-LĐ ngày 06/01/2017 về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường ở các vùng giáp ranh địa giới hành chính giữa các tỉnh: Đồng Nai Bình Dương, Lâm Đồng, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Phước và thành phố Hồ Chí Minh.

- Quy chế phối hợp số 481/QCPH-ĐN-LĐ ngày 23/01/2017 giữa UBND tỉnh Đồng Nai và UBND tỉnh Lâm Đồng về việc bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; kiểm tra, xử lý vi phạm hoạt động khoáng sản và bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản vùng giáp ranh.

- Quy chế số 02/QCPH-UBNDĐN-BGTVT ngày 23/5/2017 giữa UBND tỉnh Đồng Nai và Bộ Giao thông vận tải về công tác quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động đối với các dự án xã hội hóa nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai.

- Quy chế phối hợp số 4027/QCPH-ĐN-BT ngày 10/11/2017 giữa UBND tỉnh Đồng Nai và UBND tỉnh Bình Thuận về việc bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; kiểm tra, xử lý vi phạm hoạt động khoáng sản và bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản vùng giáp ranh.

- Quyết định số 1284/QĐ- UBND ngày 02/5/2019 của UBND tỉnh về việc thành lập ban chỉ đạo kiểm tra, truy quét, bảo vệ lâm san và khoáng sản tỉnh Đồng Nai. Đồng thời, đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện số 173/KHBCĐ ngày 31/5/2019 và thành lập tổ thường trực của Ban chỉ đạo Quyết định 663/QĐ-BCĐ ngày 31/7/2019.

Định kỳ hàng quý, căn cứ kết quả thực hiện, UBND tỉnh tiếp tục có những chỉ đạo cụ thể tới các Sở ngành, UBND cấp huyện, gồm các nội dung chính như sau:

- Các Sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa tổ chức quán triệt, triển khai sâu rộng tinh thần và nội dung của Chỉ thị số 14-CT/TU và tiếp tục tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm các nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 1729/UBND-CNN ngày 01/03/2017 của UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 20/12/2016 của Tỉnh ủy;

- Các Sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa thực hiện Quyết định số 4615/QĐ-UBND ngày ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh ban hành Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh, xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy và UBND tỉnh trong công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác

- Sở Tài nguyên và Môi trường tổng kiểm tra tất cả các mỏ đá xây dựng để phát hiện những tồn tại, thiếu sót, đề xuất giải pháp khắc phục; đồng thời để kiểm soát chặt chẽ, xử lý kịp thời các sai phạm trong hoạt động khai thác, chế biến, vận chuyển đá thực hiện thanh tra toàn diện các mỏ cát xây dựng đã được

cấp phép theo quy định. Nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, rà soát kiến nghị Trung ương sửa đổi, bổ sung quy định xử lý vi phạm hành chính nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống, ngăn chặn tình trạng khai thác khoáng sản trái quy định.

- Công an tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện tuần tra, kiểm tra, xử lý kịp thời hoạt động khai thác, vận chuyển, kinh doanh cát không phép, xử lý nghiêm các trường hợp "Bảo kê" tiếp tay cho vi phạm. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo kiểm tra, truy quét, bảo vệ lâm sản và khoáng sản tỉnh Đồng Nai, trong đó tập trung chỉ đạo các phòng nghiệp vụ thực hiện nhiệm vụ: 1) Kiểm tra, xử lý các phương tiện thủy có kết cấu đặc thù lưu thông neo đậu trên sông rạch, nhất là công tác phối hợp với công an các tỉnh giáp ranh để tổ chức đồng loạt có hiệu quả; kiểm tra, xử lý hoạt động mua bán, vận chuyển cát không phép trên sông, rạch và tại các bến bãi tập kết cát; 2) Tăng cường kiểm tra xử lý các điểm về khai thác cát không phép trên sông; khai thác đất trên địa bàn tỉnh; khai thác đá đưa vào cửa xẻ, xuất khẩu không phép tại xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom.

- Sở Giao thông Vận tải tiếp tục chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, UBND cấp huyện, rà soát các dự án nạo vét thông luồng, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm Quy chế số 02/QCPH-UBNDĐN-BGTVT ngày 23/5/2017 giữa UBND tỉnh Đồng Nai và Bộ Giao thông vận tải về công tác quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động đối với các dự án xã hội hóa nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai. Tổ chức kiểm tra, giải tỏa các bến bãi tập kết, kinh doanh cát không phép, không tiếp nhận hồ sơ xử lý cấp mới dự án nạo vét duy tu tuyến luồng theo hình thức xã hội hóa.

- UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa hàng năm đã ban hành các Kế hoạch về việc kiểm tra hoạt động khai thác, thu hồi và kinh doanh tài nguyên khoáng sản, tổ chức thành lập các đội phản ứng nhanh để tăng cường công tác giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường của các cơ sở khai thác vật liệu san lấp và đá xây dựng trên địa bàn. Ngoài ra, công khai quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn các huyện, thành phố đến từng phường, xã có điểm quy hoạch khoáng sản để địa phương tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản và bảo vệ khoáng sản nằm trong quy hoạch nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời tình trạng khai thác trái phép. Tăng cường quán triệt, yêu cầu cán bộ, đảng viên chấp hành và thực hiện nghiêm những điều đảng viên, công chức không được làm theo quy định của Đảng và pháp luật về cán bộ - công chức trong phòng, chống tham nhũng và các quy định hiện hành khác; Kiên quyết xử lý nghiêm theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với cán bộ, đảng viên và người thân tham gia hoặc thông đồng, tiếp tay cho các hoạt động kinh doanh, khai thác khoáng sản trái quy định.

Như vậy, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh, các Sở ngành, UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa đã rất quan tâm và thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai, quán triệt Chỉ thị số 14-CT/TU đến từng tổ chức, cá nhân, cán bộ đảng viên thực hiện công tác quản lý bảo vệ tài nguyên khoáng sản. Tuy nhiên, vẫn còn một số tổ chức đảng cơ sở ở địa phương vẫn còn chưa thực sự quan tâm, thường xuyên nhắc nhở cán bộ đảng viên thực hiện nhiệm vụ được giao nhằm hạn chế hoạt động khai thác không phép trên địa bàn, nguyên nhân để xảy ra tình trạng này là do địa bàn rộng, không có phương tiện, thiết bị chuyên dùng, cán bộ địa chính được phân công kiêm nhiệm không có cán bộ chuyên trách về lĩnh vực khoáng sản.

3. Kết quả tổ chức thực hiện Chỉ thị 14-CT/TU của các ban ngành và địa phương trong công tác quản lý khai thác, kinh doanh khoáng sản, đấu tranh phòng chống nạn khai thác, kinh doanh khoáng sản trái phép

a) Công tác thanh tra, kiểm tra giám sát hoạt động khai thác khoáng sản của các tổ chức cá nhân được cấp phép

Hoạt động khai thác khoáng sản được cấp phép đã được các các tổ chức cơ sở đảng từ trung ương đến địa phương quan tâm và thường xuyên chỉ đạo tổ chức các đợt thanh tra kiểm tra giám sát hoạt động khai thác khoáng sản được cấp phép cụ thể như sau:

- Trong 04 năm các cơ quan thuộc Bộ ngành trung ương đã tổ chức nhiều đoàn thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như:

- + Trong năm 2017, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam đã thanh tra 17 mỏ khoáng sản theo Quyết định số 398/QĐ-ĐCKS ngày 12/4/2017 của Tổng cục Địa chất khoáng sản; Bộ Giao Thông vận tải và các ban ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, khảo sát phương tiện của các nhà đầu tư thực hiện dự án nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm không sử dụng ngân sách Nhà nước.

- + Trong năm 2018, Bộ Xây dựng đã thanh tra công tác quản lý, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo Quyết định số 192/QĐ-TTr ngày 05/6/2018 tại 33 mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền UBND tỉnh cấp giấy phép.

- + Trong năm 2019, Thanh tra Chính phủ đã tổ chức thanh tra công tác quản lý nhà nước về hoạt động khai thác cát sỏi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 624/QĐ-TCP ngày 27/8/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ; Tổng cục Địa chất Khoáng sản Việt Nam tổ chức kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra, thông báo kết quả kiểm tra hoạt động khoáng sản đối với 17 mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 410/QĐ-ĐCKS ngày 02/5/2019 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam

- + Trong năm 2020, Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII đã tổ chức kiểm toán các khoản thu thuế, phí, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các mỏ hoạt động khoáng sản trên địa bàn theo Quyết định số 1240/QĐ-KTNN ngày 15/09/2020 của Tổng Kiểm toán nhà nước.

- HĐND tỉnh và các sở ngành thực hiện khảo sát trực tiếp công tác bảo vệ môi trường tại 04 mỏ đá xây dựng (mỏ đá Tân Cang 3, Ấp Miếu, Thiện Tân 7, Thiện Tân 9). Ngoài ra, HĐND tỉnh đã thường xuyên giám sát hoạt động khoáng sản tại địa phương thông qua các đợt giám sát kinh tế, xã hội theo kế hoạch hàng năm tại UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở ngành và địa phương xây dựng kế hoạch thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản đối với các mỏ khoáng sản được cấp giấy phép, trong đó Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, cụ thể như sau:

+ Trong năm 2017, Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai thực hiện thanh tra liên quan lĩnh vực đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường đối với 07 mỏ khoáng sản; kiểm tra hoạt động khai thác cát đối với 06 mỏ cát được cấp phép trên địa bàn tỉnh; tổ chức 02 đợt khảo sát, kiểm tra, đánh giá hiện trạng hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ sở khai thác đá xây dựng.

+ Trong năm 2018, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức thanh tra trách nhiệm quản lý Nhà nước về khoáng sản tại UBND huyện Tân Phú và UBND huyện Trảng Bom; thanh tra lĩnh vực khoáng sản, đất đai, môi trường đối với 05 mỏ đá; kiểm tra 03 mỏ cát xây dựng; kiểm tra 10 dự án cải tạo đất nông nghiệp kết hợp thu hồi vật liệu san lấp.

+ Trong năm 2019, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức thanh tra trách nhiệm quản lý Nhà nước về khoáng sản 03 huyện Xuân Lộc, Trảng Bom và Vĩnh Cửu; kiểm tra hoạt động khoáng sản đối với 03 mỏ khoáng sản, 10 dự án cải tạo đất nông nghiệp, thi công công trình có thu hồi vật liệu san lấp và tổ chức 01 đợt khảo sát công tác bảo vệ môi trường tại các mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

+ Trong năm 2020, các Sở ngành và địa phương đã xây dựng kế hoạch tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản tại các mỏ trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên do dịch covid -19 các kế hoạch thanh tra kiểm tra này được điều chỉnh thực hiện vào quý 4/2020 hoặc được điều chỉnh qua năm 2021.

Ngoài công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản tại các mỏ trên địa bàn tỉnh, các Sở ngành đã tổ chức các đợt kiểm tra giám sát về tải trọng xe, công tác quản lý sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tại các mỏ hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Thông báo kết luận số 620-KL/TU ngày 27/9/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai về việc Hội nghị sơ kết 02 năm thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu đề xuất đánh giá tổng thể mức độ ảnh hưởng khai thác khoáng sản của cụm mỏ Tam Phước - Phước Tân đến môi trường và sông Buông, đề xuất giải pháp xử lý đảm bảo môi trường thuộc phường Tam Phước và phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nhằm mục tiêu nghiên cứu đề xuất các giải pháp xử lý đảm bảo môi trường trong quá trình khai thác và kết thúc khai thác, khả năng quy hoạch khai thác đá xây dựng trong khu vực, trên cơ sở kết quả nghiên cứu,

UBND tỉnh sẽ chỉ đạo thực hiện công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản đảm bảo giảm thiểu tác động môi trường, khai thác hiệu quả, tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản theo Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược tài nguyên khoáng sản và phát triển công nghiệp khai khoáng. Đến nay, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4084/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 phê duyệt đề cương dự án "Đánh giá tổng thể mức độ ảnh hưởng khai thác khoáng sản của cụm mỏ Tam Phước – Phước Tân đến môi trường và sông Buông, đề xuất giải pháp xử lý đảm bảo môi trường" thuộc phường Tam Phước và phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Qua kết quả thanh tra, kiểm tra của các cơ quan từ trung ương đến địa phương cho thấy Công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, hệ thống cơ chế, chính sách từng bước được xây dựng và hoàn thiện, phục vụ ngày càng có hiệu quả góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Việc thẩm định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản, ký quỹ phục hồi môi trường, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản đảm bảo theo quy định. Công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực khoáng sản được cơ quan chức năng thực hiện định kỳ theo kế hoạch hàng năm và thường xuyên tổ chức kiểm tra đột xuất các hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, huyện để chấn chỉnh, xử lý các sai phạm.

Đến nay, việc thực hiện các quy định theo cam kết báo cáo đánh giá tác động môi trường, dự án cải tạo, phục hồi môi trường của các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã thực hiện cơ bản tốt. Các doanh nghiệp đã thực hiện các quy định theo cam kết tại báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Một số doanh nghiệp thực hiện đầu tư thí điểm các dự án đổi mới công nghệ như sử dụng súng phun sương để giảm thiểu bụi khu vực bãi chế biến và kho bãi; sử dụng biện pháp tưới nước trên không để khống chế bụi khu vực moong khai thác, đường vận chuyển; hệ thống rửa xe tự động trước khi vận chuyển đá thành phẩm ra khỏi mỏ; áp dụng công nghệ khoan nghiêng, nổ mìn tạo biên đối với tầng kết thúc mỏ; tham gia thực hiện dự án sử dụng băng tải có tấm che vận chuyển đá thành phẩm từ mỏ đến cảng trung chuyển sản phẩm. Các doanh nghiệp hoạt động cụm mỏ đá Phước Tân đã cùng đồng hành với cơ quan quản lý nhà nước để tổ chức đánh giá tổng thể mức độ ảnh hưởng khai thác khoáng sản của cụm mỏ Tam Phước - Phước Tân đến môi trường và sông Buông nhằm từng bước cải thiện môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

b) Công tác phối hợp vùng giáp ranh kiểm tra giám sát hoạt động khai thác khoáng sản (cát xây dựng)

Trước khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 14-CT/TU, công tác phối hợp kiểm tra giám sát hoạt động khai thác khoáng sản (cát xây dựng) còn mang tính hình thức, chưa đồng bộ, tình trạng khai thác cát không phép diễn biến phức tạp, Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Chỉ thị số

14-CT/TU, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ để tăng cường công tác phối hợp vùng giáp ranh kiểm tra giám sát hoạt động khai thác cát, kết quả đạt được như sau:

- UBND tỉnh cùng UBND tỉnh Lâm Đồng và các Sở ngành thống nhất các giải pháp quản lý hoạt động khai thác cát vùng giáp ranh giữa tỉnh Đồng Nai và Lâm Đồng (Thông báo số 50/TB-UBND ngày 13/02/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai và tỉnh Lâm Đồng), chỉ đạo các doanh nghiệp hoạt động khai thác cát trên sông Đồng Nai vùng giáp ranh giữa hai tỉnh Đồng Nai và Lâm Đồng thực hiện đúng quy định của pháp luật về khai thác khoáng sản, môi trường, giao thông thủy; UBND các huyện vùng giáp ranh tăng cường kiểm tra, xử phạt hành chính các phương tiện không rõ số hiệu, mạo danh doanh nghiệp được cấp giấy phép khai thác trái phép, trục xuất các phương tiện ra khỏi khu vực; thường xuyên giám sát hoạt động khai thác cát của các doanh nghiệp được cấp giấy phép, kiên quyết xử lý vi phạm hành chính thật nghiêm minh (không phân biệt địa giới hành chính) và đề xuất thủ tục thu hồi giấy phép vi phạm pháp luật theo quy định.

- Tiếp theo, UBND ba tỉnh Đồng Nai, Lâm Đồng, Bình Phước đã cùng tổ chức cuộc họp thống nhất các giải pháp quản lý hoạt động khai thác cát xây dựng vùng giáp ranh để các sở ngành và địa phương cũng như doanh nghiệp được hoạt động khai thác cát triển khai thực hiện (thông báo kết luận số 4914/UBND ngày 07/8/2019). Qua đó đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tân Phú cùng các cơ quan thuộc tỉnh Lâm Đồng kiểm tra khai thác cát trên sông Đồng Nai đoạn giáp ranh giữa tỉnh Đồng Nai và tỉnh Lâm Đồng và đôn đốc các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện Văn bản số 4914/UBND ngày 07/8/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai, Lâm Đồng, Bình Phước. Qua kết quả cuộc họp và kết quả làm việc với Công ty cổ phần Công trình giao thông Đồng Nai, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo Công ty hoàn thiện hồ sơ cấp phép tạm bến thủy nội địa, xây dựng phương án đảm bảo an toàn giao thông trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; chỉ được sử dụng 02 phương tiện để thực hiện khai thác; thực hiện thả phao dưới nước và trên bờ khu vực được phép khai thác; Thực hiện cấm các biển báo báo hiệu khu vực thực hiện dự án, diện tích khu vực thực hiện dự án; Giám sát khối lượng cát đã khai thác và mở sổ theo dõi theo quy định; Lưu giữ thông tin camera hành trình khai thác của các phương tiện khai thác theo ngày tháng hoạt động để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát; Thực hiện báo cáo định kỳ, giám sát sạt lở tại khu vực khai thác; phối hợp với Ban An toàn giao thông tỉnh để kết nối dữ liệu trạm cân.

- Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường cùng UBND thành phố Biên Hoà và huyện Vĩnh Cửu làm việc với UBND Thị xã Tân Uyên, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thống nhất quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác bơm hút cát trái phép trên các sông rạch thuộc địa bàn giáp ranh giữa Thị xã Tân Uyên, huyện Bắc Tân Uyên, thành phố Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu.

- Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường cùng thống nhất với Sở Tài nguyên

và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thông qua Đề án phòng, chống khai thác cát trái phép trên vùng biển Cần Giờ và vùng giáp ranh giữa thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh giáp ranh đưa ra các giải pháp quản lý và bảo vệ tài nguyên khoáng sản khu vực giáp ranh, đảm bảo quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn (ngày 23/4/2019); đồng thời tổ chức đã đánh giá tình hình thực hiện quy chế phối hợp quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản và bảo vệ môi trường của các tỉnh giáp ranh với thành phố Hồ Chí Minh (ngày 21/6/2019).

Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường, các địa phương giáp ranh của tỉnh Đồng Nai đã tăng cường kiểm tra, kịp thời xử lý các hành vi vi phạm, triển khai nhiều biện pháp, thường xuyên phối hợp, trao đổi thông tin, kiểm tra, góp phần hạn chế tình trạng khai thác khoáng sản trái phép. Phối hợp xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện các quy định trong khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong phạm vi vùng giáp ranh của các tỉnh; Phân công trách nhiệm cho từng cơ quan phối hợp trên cơ sở phù hợp chức năng nhiệm vụ của từng ngành, rà soát, làm việc với các tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác cát thuộc các khu vực giáp ranh không còn khai thác hoặc vi phạm quy định đã bị xử lý, nhưng không khắc phục theo đúng thời hạn để đề xuất thu hồi giấy phép.

Nhìn chung việc thực hiện quy chế phối hợp trong quản lý hoạt động khai thác cát trên sông tuyến sông Đồng Nai, sông La Ngà và các nhánh sông vùng giáp ranh đã được các tỉnh và thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nghiêm túc và có trách nhiệm, từ đó đã đẩy lùi nạn khai thác cát trái phép, giảm hẳn sạt lở đất hai bờ sông. Các tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động khai thác ngày dần hiểu và tuân thủ nghiêm các quy định của nhà nước. Tuy nhiên, hoạt động khai thác cát vùng giáp ranh vẫn tiềm ẩn nhiều vấn đề nhất là hoạt động khai thác cát không phép, một số đối tượng lợi dụng sự giám sát lỏng lẻo của doanh nghiệp được cấp phép đã tổ chức khai thác cát không phép mạo danh doanh nghiệp được cấp phép như đã xảy ra ở khu vực giáp ranh với tỉnh Lâm Đồng, Bình Phước.

c) Công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản

Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoáng sản đã thực hiện thủ tục đánh giá tác động môi trường, lập phương án ký quỹ phục hồi môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và thực hiện ký quỹ phục hồi môi trường. Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến nay, đã tiếp nhận thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt 05 hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường, 12 phương án cải tạo phục môi trường và 06 hồ sơ xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, thẩm định 07 hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường, 02 phương án cải tạo phục môi trường và 10 hồ sơ xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

Trong năm 2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 phê duyệt báo cáo chuyên đề về bảo vệ môi trường trong hoạt

động khai thác khoáng sản, qua đó đã đánh giá sơ bộ hiện trạng môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, đánh giá được hiện trạng về không khí, tiếng ồn, nước và chất thải rắn phát sinh từ hoạt động khai thác, chế biến tại các cơ sở khai thác khoáng sản (đá xây dựng); mức độ ảnh hưởng từ hoạt động khai thác khoáng sản đến môi trường, đặc biệt là ảnh hưởng đến các hộ dân sinh sống gần khu vực các cụm mỏ; trên cơ sở đánh giá đã đề xuất ra các phương hướng và giải pháp bảo vệ môi trường cần thực hiện trong hoạt động khai thác khoáng sản.

Để giám sát công tác bảo vệ môi trường của các mỏ đá trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng hệ thống lưu trữ dữ liệu hình ảnh từ camera giám sát công tác bảo vệ môi trường, đến nay đã triển khai thực hiện lắp đặt camera giám sát gồm 26 mỏ, trong đó:

- 13 mỏ đá (Thiện Tân 1, Thiện Tân 2, Thiện Tân 3, Thiện Tân 5, Thanh Phú 1, Thanh Phú 2, Tân Cang 1, Tân Cang 2, Tân Cang 3, Tân Cang 5, Tân Cang 7, Soklu 2 và Soklu 5) đạt yêu cầu về các thông số của nhóm camera, thông tin đường truyền và thông số kỹ thuật thiết bị lưu trữ dữ liệu theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường và đã thực hiện kết nối truyền dữ liệu từ hệ thống camera giám sát về Trung tâm Công nghệ thông tin - Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện giám sát hoạt động kiểm soát nguồn thải bụi từ quá trình hoạt động chế biến và vận chuyển.

- 13 mỏ đá đã lắp đặt camera giám sát nhưng chưa thực hiện kết nối truyền dữ liệu từ hệ thống camera giám sát về Trung tâm Công nghệ thông tin để thực hiện giám sát hoạt động kiểm soát nguồn thải bụi từ quá trình hoạt động chế biến và vận chuyển, cụ thể: 01 mỏ đá (Áp Miếu) đạt yêu cầu về các thông số của nhóm camera, thông tin đường truyền và thông số kỹ thuật thiết bị lưu trữ dữ liệu theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường; 12 mỏ đá (Thiện Tân 7, Thiện Tân 9, Thanh Phú 3, Núi Nứa, Xuân Hoà, Soklu 1, Soklu 3, Soklu 6, Cây Gáo, Tân Cang 6, Tân Cang 8, Gia Canh 1) chưa đạt yêu cầu truyền nhận dữ liệu và chưa đúng theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường, do chưa đạt 01 trong các nhóm thông số camera, thông tin đường truyền và thông số kỹ thuật thiết bị lưu trữ.

- 06 mỏ đá chưa thực hiện lắp đặt camera giám sát gồm: 05 mỏ đá chưa đi vào hoạt động (Sông Trầu, Soklu 4, Phước Bình, Tân Cang 4, Thiện Tân 4), và 01 mỏ đá vừa đi vào hoạt động, đang khai thác bóc tầng phủ, chưa có khu vực chế biến, chưa có khu vực vệ sinh xe (Tân Cang 9).

Trong thời gian tới, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tiếp tục làm việc với các chủ dự án khai thác khoáng sản chưa thực hiện lắp đặt camera giám sát và chưa thực hiện kết nối truyền dữ liệu từ hệ thống camera giám sát về Trung tâm Công nghệ thông tin để làm rõ lộ trình, thời gian hoàn thành việc thực hiện lắp đặt hệ thống camera giám sát tại mỏ đá và truyền nhận dữ liệu.

Qua kết quả giám sát môi trường trong quá trình khai thác, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoáng sản triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ

môi trường ngay từ những ngày đầu xây dựng cơ bản mỏ như: trong quá trình bóc tầng phủ kết hợp với việc đắp bờ bao, trồng cây xanh để ngăn chặn nước mặt chảy tràn và bụi phát tán ra môi trường xung quanh trong quá trình khai thác; thực hiện việc phun sương tại những khu vực nghiền sàng, tưới nước đường vận chuyển để hạn chế bụi phát tán; định kỳ, hàng quý hoặc 6 tháng các tổ chức cá nhân khai thác khoáng sản thực hiện công tác giám sát môi trường định kỳ để từ đó có biện pháp khắc phục, chấn chỉnh các hạn chế, phối hợp với đơn vị quản lý tuyến đường để vệ sinh đường vận chuyển.

d) Công tác quản lý, kiểm tra thu hồi cát xây dựng đối với các dự án nạo vét theo hình thức xã hội hóa

Thời điểm năm 2016, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 14 dự án nạo vét, trong đó có 08 dự án do Bộ Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương cho thực hiện dự án, 06 dự án do UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương. Đến nay, những dự án này UBND tỉnh đã tạm dừng hoạt động và chỉ đạo giao Sở Giao thông vận tải phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện nghiêm Quy chế số 02/QCPH-UBNDĐN-BGTVT ngày 23/5/2017 giữa UBND tỉnh Đồng Nai và Bộ Giao thông vận tải về công tác quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động đối với các dự án xã hội hóa nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp thu hồi sản phẩm, không sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện Nghị định số 159/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa, UBND tỉnh đã phối hợp cùng Cảng vụ Hàng hải Việt Nam tổ chức rà soát các dự án nạo vét tuyến luồng Hàng hải kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai qua đó thống nhất các dự án nạo vét tuyến luồng Hàng hải nhằm đảm bảo an toàn tuyến luồng tàu chạy phải thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 159/2018/NĐ-CP và UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện nhiệm vụ đánh giá hiện trạng môi trường sông Đồng Nai trong đó có đánh giá cụ thể: ô nhiễm nguồn nước, dòng chảy, hiện trạng sạt lở đường bờ,... để làm cơ sở đề xuất phương án thực hiện nạo vét cho phù hợp, Sở Giao thông vận tải rà soát hồ sơ hoàn thiện thủ tục nạo vét luồng hàng hải theo đúng quy định. Việc xem xét tiếp tục thực hiện các dự án nạo vét tuyến luồng Hàng hải kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, UBND tỉnh sẽ báo cáo Thường vụ Tỉnh ủy xem xét thống nhất chủ trương theo đúng tin thần chỉ đạo Chỉ thị 14-CT/TU.

Đối với các dự án xã hội hóa nạo vét duy tu thông luồng trên địa bàn thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giao thông vận tải không tiếp nhận hồ sơ xử lý cấp mới giấy phép các dự án xã hội hóa nạo vét duy tu thông luồng trên địa bàn và đến nay không còn dự án nạo vét duy tu thông luồng theo hình thức xã hội hóa được hoạt động.

Đối với dự án nạo vét kèng mương thủy lợi, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3999/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 chấp thuận triển khai thực hiện dự án

nạo vét tuyến rạch Ông Kèo và các tuyến rạch Ông Chúc, Ông Mai, Ông Thuộc, Chà Là Lớn, huyện Nhơn Trạch do Công ty TNHH Phước Hải Lộc làm Chủ đầu tư, trong quá trình thực hiện các Sở ngành đã tổ chức kiểm tra giám sát chặt chẽ hoạt động của dự án. Tuy nhiên, hoạt động này đã có một số dư luận không đồng tình và UBND tỉnh đã chỉ đạo tạm ngưng hoạt động nạo vét tuyến rạch Ông Kèo và các tuyến rạch Ông Chúc, Ông Mai, Ông Thuộc, Chà Là Lớn, huyện Nhơn Trạch do Công ty TNHH Phước Hải Lộc làm Chủ đầu tư và chỉ đạo các Sở ngành thực hiện các giải pháp chấn chỉnh hoạt động nạo vét tại khu vực này.

đ) Công tác kiểm tra, xử lý bến bãi không có giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, kinh doanh cát không có nguồn gốc, các đối tượng hợp thức hóa nguồn gốc cát bằng hóa đơn, chứng từ để truy thu thuế; các hành vi trốn thuế, kinh doanh cát trái phép

Hoạt động tập kết, kinh doanh khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tập trung chủ yếu trên dọc các tuyến sông và sử dụng các điểm hoạt động bến thủy nội địa để hoạt động kinh doanh khoáng sản. Công tác quy hoạch bến thủy nội địa được thực hiện theo Quyết định số 6062/QĐ-CT.UBND ngày 07/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt quy hoạch chi tiết giao thông vận tải đường sông năm 2020.

Thời điểm năm 2017, hoạt động bến bãi kinh doanh khoáng sản dọc các tuyến sông có 85 đơn vị, bến bãi hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng (cát, đá): trong đó: 38 bến thủy có giấy phép hoạt động Bến thủy nội địa, 47 bến bãi hoạt động nhưng chưa có giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, tập trung ở một số địa bàn sau:

- Huyện Vĩnh Cửu: 29 bến vật liệu xây dựng (24 bến có phép, 05 bến không phép tại các xã Bình Hòa, Bình Lợi, Thiện Tân).

- Thành phố Biên Hòa: 25 bến vật liệu xây dựng (07 bến có giấy phép bến thủy nội địa; 18 bến không phép tại các địa bàn các phường, xã: Bửu Long, An Bình, Long Bình, Tam Phước, Phước Tân, Tân Hạnh).

- Huyện Long Thành có 08 bến vật liệu xây dựng không phép tại xã Tam An, thị trấn Long Thành.

- Huyện Nhơn Trạch có 13 bến vật liệu xây dựng không phép (05 bến có phép, 08 bến không có phép bến thủy nội địa tại các xã Phú Thạnh, Phú Hội, Long Tân, Đại Phước).

- Huyện Định Quán 04 bến tập kết cát (01 bến có phép, 03 bến không phép); huyện Tân Phú: 05 bến không phép; huyện Trảng Bom: 01 bến không phép.

Các bến thủy nội địa không phép thời gian qua đã được các đơn vị chức năng kiểm tra, xử lý nhiều lần. Hiện nay, hầu hết các bến không phép đều đã ngưng hoạt động; tuy nhiên, các bãi kinh doanh vật liệu xây dựng tại các bến không phép này vẫn còn hoạt động thông qua việc trung chuyển cát, sỏi từ các bến có phép hoặc vận chuyển hoàn toàn bằng đường bộ về bãi để kinh doanh.

Thời gian qua, các đơn vị chức năng đã tiến hành nhiều đợt kiểm tra về nguồn gốc vật liệu xây dựng tại các bến bãi, về nguồn gốc đá xây dựng, đất, sỏi, hầu hết do các công ty khai thác mỏ đá trên địa bàn tỉnh cung ứng đáp ứng đủ giấy tờ, hóa đơn theo quy định, tuy nhiên, về nguồn gốc cát, các doanh nghiệp đều trình bày mua từ các công ty, mỏ từ các tỉnh miền Tây chở về hoặc thông qua các công ty trung gian từ thành phố Hồ Chí Minh mua ở mỏ tại các tỉnh miền Tây và xuất hóa đơn từ các công ty này, việc truy xuất nguồn gốc cát khai thác theo hóa đơn chứng từ này rất mất nhiều thời gian, công sức của cơ quan quản lý nhà nước, thậm chí chỉ có cơ quan chuyên ngành về thuế, công an mới có thể thực hiện được.

Đối với các phương tiện thủy thì qua rà soát các phương tiện thủy sử dụng vận chuyển vật liệu xây dựng và phương tiện thủy gắn thiết bị đặc thù bơm hút cát sỏi được đăng ký từ các tỉnh miền Tây. Một số ít phương tiện trên địa bàn do các đối tượng sở hữu phục vụ khai thác cát thì tìm cách đối phó việc kiểm tra, xử lý như: ban ngày, khi không hoạt động, các phương tiện này được neo đậu trong rạch hoặc tháo rời các thiết bị khai thác cát, đến đêm mới gắn thiết bị khai thác cát để hoạt động. Các phương tiện này hầu hết là phương tiện vận chuyển cũ có giá trị rất thấp, được gắn thiết bị đặc thù mà không đăng ký, đăng kiểm với cơ quan chức năng nhằm mục tiêu khi bị cơ quan chức năng phát hiện, các đối tượng đều lợi dụng địa hình sông nước bỏ trốn để lại phương tiện thiết bị không có giá trị cho cơ quan nhà nước phải xử lý (trục vớt, phá hủy).

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Sở Giao thông vận tải đã tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm cảng, bến hoạt động trái phép, phương tiện thủy neo đậu, đỗ không đúng nơi quy định, tiếp tục duy trì tổ liên ngành đường thủy, tuần tra, kiểm soát các bến thủy lên lút hoạt động, tổ chức ký cam kết cho tất cả các bến thủy nội địa thuộc thẩm quyền quản lý. Kết quả xử lý vi phạm từ ngày 20/12/2016 đến ngày 21/10/2020, như sau:

- Tổ chức kiểm tra, phát hiện và xử phạt hành chính 44 trường hợp đối với các tổ chức, cá nhân đưa bến thủy nội địa hoạt động không phép, khai thác bến thủy nội địa quá thời hạn cho phép, nộp kho bạc Nhà nước: hơn 600.000.000 đồng.

- Tổ chức kiểm tra liên ngành theo Kế hoạch số 127/KHPH - PC08 ngày 22/7/2019 đã phát hiện 13 phương tiện có gắn đặc thù bơm hút cát, 02 tiện không có chủ, 01 phương tiện vận chuyển cát không có hóa đơn chứng từ; theo Kế hoạch số 220/KHPH ngày 23/7/2019 phát hiện tạm giữ 02 phương tiện bơm hút cát trái phép; xử lý vi phạm hành chính trật tự ATGT đường thủy 08 trường hợp với số tiền 78.200.000đ, tịch thu 20m³ cát (Trong đó: tự ý hoán cải, thay đổi tính năng kết cấu của phương tiện 05 trường hợp; sử dụng ghe bơm hút không giấy tờ 01 trường hợp; sử dụng ghe bơm hút giấy tờ hết hiệu lực 01 trường hợp) và phát hiện 06 trường hợp, đang tạm giữ chưa xử lý.

Thực hiện Chỉ thị 14-CT/TU ngày 20/12/2016, các văn bản chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy và UBND tỉnh, Ban chỉ đạo 389 các địa phương trực thuộc